

BÁO CÁO
TỔNG KẾT CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2023
VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2024

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 05/12/2022 của Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2023 của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Sở Y tế báo cáo tổng kết công tác Y tế năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024, nội dung cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2023

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO

Thực hiện các chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2023 của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, ngành Y tế được giao 13 chỉ tiêu:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Đánh giá
01	Bác sĩ/ vạn dân (BS)	9,5	9,5	Đạt
02	Giường bệnh/ vạn dân (GB)	20,4	20,4	Đạt
03	Trạm y tế xã phường có bác sĩ làm việc (%) (tối thiểu 2 buổi/tuần)	100	100	Đạt
04	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ (%)	98	89,46	Không Đạt
05	Tỷ lệ rác thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn (%)	100	100	Đạt
06	Tuổi thọ trung bình	76,7	76,7	Đạt
07	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (‰)	10,0	10,0	Đạt
08	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống (‰)	< 26	25,9	Đạt

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Đánh giá
09	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (%)	< 8	1,8	Đạt
10	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (%)	< 14	2,5	Đạt
11	Tỷ lệ người nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%).	< 0,3	0,29	Đạt
12	Số người mắc ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân (người)	< 7	0,43	Đạt
13	Tỷ lệ hài lòng bệnh nhân nội trú (%)	>80	93,3	Đạt

Ngành Y tế đã đạt và vượt **12/13** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023. Chỉ tiêu tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ chỉ đạt **89,46%**, không đạt so với chỉ tiêu được giao năm 2023 là **98%**. Nguyên nhân là do thiếu hụt nguồn cung ứng vắc-xin từ Bộ Y tế.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

- Hoàn thành xây dựng Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về việc quy định Chính sách hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân tâm thần điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã được HĐND tỉnh thông qua vào kỳ họp cuối năm 2024, diễn ra ngày 08/12/2023.

- Tham mưu Nghị Quyết bãi bỏ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 25/8/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc Chính sách đặc thù trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sở Y tế đã có Tờ trình số 287/TTr-SYT ngày 22/11/2023 trình UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 25/8/2021 của Thường trực HĐND tỉnh. Hiện nay UBND tỉnh đã có Tờ trình số 323/TTr-UBND ngày 07/12/2023 trình Thường trực HĐND tỉnh.

- Tham mưu xây dựng Nghị quyết “Quy định chế độ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”. Sở Y tế được UBND giao thực hiện từ ngày 22/11/2023 theo Công văn số 16332/UBND-VP. Hiện nay Sở Y tế đã hoàn thành bước xin chủ trương và đang tiến hành các thủ tục để trình UBND tỉnh thông qua HĐND vào kỳ họp đầu năm 2024.

- Tham mưu xây dựng Nghị Quyết “Quy định mức giá đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế và nguyên tắc áp dụng giá khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp”. Hiện nay, Sở Y tế đang xin ý kiến Ban Pháp chế HĐND tỉnh.

2. Tổ chức bộ máy

- Tổng số nhân sự toàn ngành: 4.091¹, trong đó: công chức viên chức là 3.226, hợp đồng 111 là 411, hợp đồng khác là 454.

- Đã triển khai thực hiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý trong toàn ngành giai đoạn 2015 - 2020 và 2021 - 2025. Trong năm có xem xét điều chỉnh, bổ sung để đáp ứng yêu cầu quy hoạch.

- Công tác tuyển dụng: kể từ ngày 15/3/2023, công tác tuyển dụng được phân cấp trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở thực hiện theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND, ngày 03/03/2023 của UBND tỉnh. Trong năm toàn ngành đã tuyển dụng được: 216 viên chức. Ngoài ra công tác tiếp nhận, điều động, luân chuyển, chuyển chuyên, chuyển đổi vị trí, biệt phái và ký hợp đồng lao động đối với công chức, viên chức, người lao động. Tổ chức thi, xét nâng ngạch công chức; thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đúng quy định.

- Về nghỉ việc: trong năm 2023, ngành y tế có 66 trường hợp nghỉ việc; trong đó: Bác sĩ: 34; Điều dưỡng: 10; Hộ sinh: 0; Y sĩ: 05; Kỹ thuật Y: 05; Dược sĩ: 01; Y tế công cộng: 01; CBYT khác: 10.

- Đánh giá công chức, viên chức, người lao động: Thực hiện theo quy định của Tỉnh ủy và hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Đối với công tác kiểm điểm, đánh giá tập thể và cá nhân lãnh đạo Sở Y tế được thực hiện một cách nghiêm túc.

- Công tác đề bạt, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý của ngành: công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, cách chức thực hiện đúng quy trình hướng dẫn và đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định, một vài trường hợp còn thiếu chuẩn được đào tạo, bồi dưỡng bổ sung kịp thời.

- Căn cứ theo Quy chế số 04-QC/TU ngày 12/4/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp phòng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (sửa đổi, bổ sung); theo đó ngành y tế không thực thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý. Trong năm 2023, Sở Y tế đã thực hiện quy trình bổ nhiệm và bổ nhiệm:

+ Tại Sở Y tế: đã kiện toàn 02 vị trí Phó Giám đốc Sở và 04 vị trí trưởng, phó trưởng phòng (Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Phó Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, Phó Chánh Văn phòng, Phó Chánh Thanh tra)

¹ Bác sĩ: 681, chiếm 16,65%; Dược: 301, chiếm 7,36%; Điều dưỡng: 1.194, chiếm 29,19%; Kỹ thuật Y: 158, chiếm 3,86%; Hộ sinh: 294, chiếm 7,19%; Y tế công cộng: 106, chiếm 2,5%; Y sĩ: 349, chiếm 8,53%; Khác: 597, chiếm 14,594%; HĐ 161: 411, chiếm 10,05%.

+ Tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở trong đó: Bổ nhiệm mới: 05 trường hợp (Giám đốc: TTYT thị xã Phú Mỹ, Bệnh viện Y học cổ truyền; Phó Giám đốc: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, bệnh viện Tâm Thần, Trung tâm Y tế huyện Long Điền); Bổ nhiệm lại 03 trường hợp (Phó Giám đốc: Bệnh viện Tâm Thần, Bệnh viện Vũng Tàu, Trung tâm y tế thành phố Vũng Tàu).

3. Cải cách thủ tục hành chính, thanh tra, kiểm tra, giám sát

Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế: **174** TTHC, trong đó các TTHC giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh là **122** thủ tục, các thủ tục thực hiện tại sở là **08** thủ tục (tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo) và **44** thủ tục hành chính thực hiện tại các đơn vị trực thuộc.

Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, kịp thời phát hiện các khó khăn, vướng mắc và xử lý các vi phạm. Trong năm ngành Y tế đã thanh tra, kiểm tra tổng số cơ sở: 11.195 cơ sở, tăng gần gấp đôi so với năm 2022 (5.949 cơ sở), số cơ sở vi phạm: 841 cơ sở, tăng 187 cơ sở so với năm 2022 (654 cơ sở). Trong đó: nhắc nhở: 652 cơ sở, xử phạt: 189 cơ sở, số tiền phạt là 2.143.000.000 đồng, tăng gấp đôi so với năm 2022 (1.038.695.000 đồng).

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo: Tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo: Tổng số 15 đơn, giảm 02 đơn so với năm 2022 (17). Trong đó: phản ánh kiến nghị 14, khiếu nại 01. Đã giải quyết 06; chuyển đơn 09 (phản ánh); Đang xử lý: 00.

Công tác xử lý phản ánh trên Đường dây nóng của lãnh đạo tỉnh: Tiếp nhận 44 (giảm 10 đơn so với năm 2022), xử lý dứt điểm: 44.

Công tác xử lý phản ánh trên Đường dây nóng của Bộ Y tế: Tiếp nhận 39 (giảm 78 phản ánh so với năm 2022, 117), xử lý dứt điểm: 39.

Tất các thông báo trả lời và các cuộc điện thoại liên lạc tư vấn, hướng dẫn của Sở Y tế, người dân đều hài lòng. Các đơn vị trực thuộc đã kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót đã chỉ ra trong thông báo trả lời phản ánh.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2023

1. Y tế dự phòng

1.1. Công tác phòng chống dịch bệnh

- Công tác phòng, chống dịch COVID-19:

+ Từ khi dịch khởi phát đến nay (tính từ ngày 28/06/2021), toàn tỉnh ghi nhận **137.585** ca mắc, có **137.097** người khỏi bệnh (chiếm **99,65%**), **485** ca tử vong (chiếm **0,35%**).

+ Từ ngày **01/01/2023** đến nay toàn tỉnh ghi nhận **1.443** ca mắc (trong đó: **1.368** ca mắc mới; 75 ca tái nhiễm), **02** ca tử vong.

+ Đến nay, theo Quyết định số 3896/QĐ-BYT ngày 19/10/2023 của Bộ Y tế đã điều chỉnh COVID-19 từ bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A sang bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 *từ ngày*

20/10/2023. Ngành Y tế vẫn tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch, thường xuyên đánh giá, phân tích tình hình và các yếu tố nguy cơ; chủ động xây dựng các kịch bản, phương án ứng phó và triển khai đáp ứng với mọi tình huống có thể xảy ra của dịch theo “Hướng dẫn giám sát và phòng, chống COVID-19” ban hành tại Quyết định số 3985/QĐ-BYT ngày 29/10/2023 của Bộ Y tế.

- Công tác phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm khác:

Trong năm (tính từ 1/12/2022 đến 31/11/2023), toàn tỉnh ghi nhận **12/22** bệnh truyền nhiễm, không gây dịch và có **02 ca tử vong do bệnh Tay chân miệng**.

Bệnh Tay chân miệng ghi nhận số ca mắc cao với **3.649 ca**, vượt **36%** so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 (2.447 ca) và **02 ca tử vong** (không vượt quá tỷ lệ tử vong theo kế hoạch số 1331/QĐ-BYT ngày 10/3/2023 là 0,05%/số ca mắc).

Đối với dịch bệnh Đau mắt đỏ là dịch bệnh truyền nhiễm mới nổi², ghi nhận dịch bùng phát trong giai đoạn tháng 8-10, cộng dồn số ca Đau mắt đỏ tính từ 01/9/2023 đến 06/11/2023 là: **34.822 ca**. Dịch hiện nay đã được kiểm soát, không ghi nhận trường hợp tử vong.

Bệnh Sốt xuất huyết ghi nhận số ca mắc với 2.117 ca, giảm 90% so với năm 2022 và không có ca tử vong.

Ngoài ra, ghi nhận 09 bệnh truyền nhiễm đang có số ca mắc rải rác: Thủy đậu 591 ca, Quai bị 68 ca, Viêm gan siêu vi 18 ca, Thương hàn 12 ca, Sốt phát ban nghi Rubella 07 ca, Uốn ván khác 04 ca, Viêm não vi rút 02 ca, Ly trực trùng 01 ca, Uốn ván sơ sinh 01 ca.

Đánh giá: Công tác phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát tốt; Khống chế không để dịch lớn xảy ra, không để dịch chổng dịch. Ngành Y tế đã xây dựng các phương án và triển khai các giải pháp thích ứng linh hoạt hơn trong giám sát, phòng chống dịch hiệu quả hơn trong thời gian tới.

(Chi tiết tình hình dịch bệnh tại phụ lục 2)

1.2. Công tác tiêm chủng

1.2.1. Tiêm chủng Vắc-xin COVID-19

Tổng số vắc xin COVID-19 được Bộ Y tế phân bổ đến nay là **3.265.588** liều (trong đó: 1.159.820 liều vắc xin AstraZeneca, 1.178.502 liều vắc xin Pfizer, 325.446 liều vắc xin Moderna, 601.620 liều vắc xin Vero Cell). Triển khai tiêm chủng cho 03 nhóm đối tượng bao gồm người từ 18 tuổi trở lên, trẻ em từ 12 đến 17 tuổi và trẻ em từ 5 đến 11 tuổi.

² **Bệnh truyền nhiễm mới nổi** (tiếng Anh: Emerging infectious disease - EID) là một [bệnh truyền nhiễm](#) có tỷ lệ mắc tăng lên trong 20 năm qua và có thể gia tăng trong tương lai gần. Nhiễm trùng mới nổi chiếm ít nhất 12% trong tất cả các [mầm bệnh](#) ở người.^[1] EID được gây ra bởi các loài hoặc chủng mới được xác định

- Tỷ lệ tiêm chủng cho người từ 18 tuổi trở lên (884.929 người): Mũi 1: 109,37%; Mũi 2: 104,50%; Mũi 3: 81,95%; Mũi 4: **114,77%** (tính trên số người có chỉ định tiêm mũi 4 là 163.990 người)

- Tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em từ 12 đến 17 tuổi (103.714 trẻ): Mũi 1: 114,74%; Mũi 2: **110,91%**; Mũi 3: **55,72%**.

- Tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em từ 05 đến 11 tuổi (137.780 trẻ): Mũi 1: 81,41%; Mũi 2: **58,23%**;

Công tác tiêm chủng vắc-xin COVID-19 đã dừng triển khai từ **tháng 6/2023**.

1.2.2. Tiêm chủng mở rộng

Công tác tiêm chủng mở rộng được giao 12 chỉ tiêu kế hoạch 2023. Thực hiện đạt 9/12 chỉ tiêu, chiếm 75%. Còn 03 chỉ tiêu không hoàn thành, cụ thể:

- Tỷ lệ tiêm đủ 8 loại vắc-xin cho trẻ dưới 1 tuổi: 89,46%, không đạt so với so với chỉ tiêu 98% năm 2023.

- Tỷ lệ tiêm nhắc DPT4 cho trẻ ≥ 18 tháng: 72,95%, không đạt so với so với chỉ tiêu 90% năm 2023.

- Tỷ lệ huyện loại trừ uôn ván sơ sinh: 87,5%, không đạt so với so với chỉ tiêu 100% năm 2023 (do có 01 ca uôn ván sơ sinh tại huyện Xuyên Mộc).

Nguyên nhân: Nguồn cung ứng các loại vắc xin của Bộ Y tế bị gián đoạn³.

Kiến nghị: Ngành Y tế đã chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh chuẩn bị sẵn sàng các phương án, các giải pháp hiệu quả tiêm bù, tiêm vét cho những trẻ đã bị trễ lịch tiêm ngay sau khi các vắc-xin được Bộ Y tế cung ứng trở lại.

(Chi tiết tình hình tiêm chủng mở rộng tại phụ lục 3)

1.3. Phòng, chống HIV/AIDS:

Tính đến ngày 31/11/2023, số trường hợp nhiễm HIV tích lũy là **5.413** người (tăng 74 người so với cùng kỳ năm 2022), số hiện còn sống là 3.275 người, số bệnh nhân AIDS tích lũy đến hiện tại là 3.517 người, số người nhiễm HIV tử vong tích lũy là 2.138 trường hợp (tăng 13 người so với cùng kỳ năm 2022).

Điều trị Methadone: Duy trì hoạt động tại 03 cơ sở điều trị tại Vũng Tàu, Long Điền và 01 cơ sở tại Khoa phòng, chống HIV/AIDS; Tổng số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone trên địa bàn tỉnh là 379 người, giảm 47 người so năm 2022 (426 người).

Duy trì hoạt động chăm sóc điều trị HIV/AIDS tại 10 cơ sở điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm y tế, trại giam trên địa bàn tỉnh, thực hiện xét nghiệm

³ Báo cáo tình hình vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (tính đến ngày 31/10/2023) gửi Viện Pasteur (Báo cáo số 704/BC-KSBT ngày 09/11/2023); Tham mưu Sở Y tế văn bản trình UBND tỉnh báo cáo tình hình vắc xin trong tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023 (Tờ trình số 186/TTr-KSBT ngày 13/11/2023)

tải lượng virus, điều trị ARV cho bệnh nhân. Tính đến 30/11/2023, số bệnh nhân đang điều trị ARV là 2.639 người (chưa bao gồm bệnh nhân điều trị ngoại tỉnh 352).

Đánh giá: Công tác phòng, chống HIV/AIDS được triển khai thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

(Chi tiết tình hình Phòng, chống HIV/AIDS tại phụ lục 4)

1.4. Phòng chống các bệnh không lây nhiễm

- 100% các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh thực hiện khám sàng lọc, quản lý điều trị bệnh các bệnh không lây nhiễm như tăng huyết áp, đái tháo đường.

- Đối với bệnh tăng huyết áp, số người tăng huyết áp được phát hiện cộng dồn đến nay là 140.755 người, đạt 103% so với kế hoạch 2023 giao. Tỷ lệ người tăng huyết áp được phát hiện so với số người mắc ước đoán là 117,5%; Tỷ lệ người tăng huyết áp đã phát hiện được quản lý điều trị là 114%.

- Đối với bệnh đái tháo đường, số người đái tháo đường được phát hiện cộng dồn đến nay là 45.258 người, đạt 109,3% so với kế hoạch 2023 giao. Tỷ lệ người đái tháo đường đã phát hiện và được quản lý điều trị là 25.885 người, đạt 125% so với kế hoạch 2023 giao.

Đánh giá: Công tác quản lý các bệnh không lây nhiễm trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát tốt. Năm 2024, ngành Y tế sẽ tiếp tục xây dựng triển khai các hoạt động phòng chống các bệnh không lây nhiễm theo Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2025 và đưa đột quy vào quản lý và có giải pháp phòng ngừa nguy cơ.

(Chi tiết tình hình Phòng chống các bệnh không lây nhiễm tại phụ lục 5)

1.5. Quản lý môi trường y tế - Y tế học đường

Quản lý môi trường y tế - Y tế học đường gồm công tác vệ sinh môi trường y tế; vệ sinh lao động – bệnh nghề nghiệp và y tế học đường được giao tổng cộng là 13 chỉ tiêu kế hoạch 2023. Thực hiện đạt 13/13 chỉ tiêu, đạt 100%.

- Đối với vệ sinh môi trường Y tế: Thực hiện lấy và xét nghiệm **62 mẫu** nước tại **14 cơ sở** cấp nước trên địa bàn tỉnh. 62/62 mẫu (100%) đạt tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT. Thực hiện ngoại kiểm chất lượng nước tại **14 cơ sở cấp nước** trên địa bàn tỉnh, lấy và xét nghiệm 48 mẫu nước, đánh giá 08 chỉ tiêu nhóm A, kết quả 100% mẫu đạt tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT.

- Đối với vệ sinh lao động - bệnh nghề nghiệp: Quản lý 370/ chỉ tiêu 370 cơ sở lao động; tham gia kiểm tra, giám sát 172/ chỉ tiêu 143 cơ sở; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động 15/ chỉ tiêu 14 lớp.

- 100% chất thải y tế nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý tập trung đạt tiêu chuẩn.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt 92,4%/ chỉ tiêu 90%. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%/ chỉ tiêu 99%. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 98,9%/ chỉ tiêu 98,6%.

- Đối với việc cấp phép môi trường tại các cơ sở y tế, các đơn vị đang hoàn tất hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép môi trường quy định tại khoản 2, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.6. Chăm sóc Sức khỏe sinh sản

Chăm sóc Sức khỏe sinh sản gồm được giao tổng cộng là 24 chỉ tiêu kế hoạch 2023. Thực hiện đạt 24/24 chỉ tiêu, đạt 100%.

(Chi tiết Chăm sóc Sức khỏe sinh sản tại phụ lục 6)

1.7. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em gồm được giao 12 chỉ tiêu kế hoạch 2023. Thực hiện đạt 12/12 chỉ tiêu, đạt 100%.

(Chi tiết Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em tại phụ lục 7)

1.8. Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe

- Thường xuyên truyền thông phòng chống các bệnh truyền nhiễm: Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Đậu mùa khi... Truyền thông phòng bệnh không lây nhiễm: Tim mạch, Đái tháo đường, Ung thư tử cung... và các Chương trình hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe năm 2023.

- Chủ động tuyên truyền và cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời cho các cơ quan báo chí các thông tin về dịch bệnh, bệnh tật, các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, chú trọng thông tin, khuyến cáo về phòng, chống các dịch bệnh và công tác tiêm chủng vắc xin phòng bệnh, giúp người dân nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe và chủ động phòng ngừa.

(Chi tiết công tác Truyền thông, giáo dục sức khỏe tại phụ lục 8)

2. An toàn thực phẩm

Công tác an toàn thực phẩm được giao 05 chỉ tiêu kế hoạch 2023. Thực hiện đạt 05/05 chỉ tiêu, đạt 100%.

- Trong năm xảy ra 02 vụ ngộ độc thực phẩm, 23 người mắc, tử vong: 00. (2,03 cas mắc/100.000 dân thấp hơn chỉ tiêu 7 cas mắc/100.000 dân)

- Toàn tỉnh đã kiểm tra 9.823 cơ sở, tăng 2.849 lượt (29%) so với năm 2022 (6.974 cơ sở). Trong đó, số cơ sở đạt tiêu chuẩn là 9.255, chiếm tỷ lệ 94,2% và số cơ sở vi phạm là 568 (5,8%). Số cơ sở bị xử lý là 68, chiếm 12% trong tổng số cơ sở vi phạm với số tiền nộp phạt là 502.750.000 đồng, tăng gần gấp đôi so với năm 2022 (274.095.000 đồng).

- Xét nghiệm: 2.472 mẫu thực phẩm kiểm tra Hàn the, đạt 2.471 mẫu, tỷ lệ 99,96%; 1.224 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol, đạt 1.221 mẫu, tỷ lệ 99,8%.

- Viết 89 bài báo về an toàn thực phẩm trên toàn tỉnh; Số bài phát trên loa truyền thanh: 552; Pano: 274 cái; Tờ rơi, áp phích: 337 cái; Băng rôn: 491 cái; Xe loa tuyên truyền: 92; Nói chuyện chuyên đề ATTP: 58 buổi/ 23.759 người tham dự; Tập huấn kiến thức ATTP cho cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: 38 lớp/3.440 người; Truyền hình ATTP: 01 buổi.

3. Y tế cơ sở

- 100% trạm y tế xã đủ điều kiện khám chữa bệnh BHYT.

- Triển khai đồng bộ các hoạt động phòng, chống các bệnh không lây nhiễm; chú trọng dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm, quản lý, điều trị, chăm sóc tại tuyến y tế cơ sở. Số trạm y tế quản lý, điều trị tăng huyết áp, đái tháo đường là 82/82 trạm y tế, đạt 100%.

- 100% TYT triển khai khám chữa bệnh phải có bác sỹ làm việc thường xuyên hoặc ít nhất 02 ngày/tuần.

4. Công tác khám, chữa bệnh – Y học hiện đại

- Số lượt khám bệnh tại các cơ sở y tế công lập trên toàn tỉnh là **2.152.000** lượt người, đạt 92,11% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 (2.336.300 lượt).

+ Các bệnh viện tuyến tỉnh: 981.397 lượt, chiếm 45,60%, tăng 3,6% so với năm 2022 (42%). Chỉ đạt 99,65% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 (984.800 lượt).

+ TTYT các huyện, thị xã, thành phố: 837.070 lượt, chiếm 38,90%, tăng 1,9% so với năm 2022 (37%). Chỉ đạt 92,14% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 (908.500 lượt).

+ Trạm Y tế các xã, phường, thị trấn: 333.533 lượt, chiếm 15,50%, giảm 5,5% so với năm 2022 (21%). Chỉ đạt 75,29% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 (443.000 lượt).

- Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh đều **đạt và vượt** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, cụ thể: Bệnh viện Bà Rịa: 98,07% (so với chỉ tiêu 95%); Bệnh viện Vũng Tàu: 103% (so với chỉ tiêu 90%); Bệnh viện Mất: 56,97% (so với chỉ tiêu 50%); Bệnh viện Tâm Thần: 93% (so với chỉ tiêu 90%); Bệnh viện Y học cổ truyền: 93% (so với chỉ tiêu 50%); Riêng đối với bệnh viện Phổi PCH đang cải tạo nên không xây dựng chỉ tiêu năm 2023.

- Công suất sử dụng giường bệnh tuyến huyện đều **không đạt** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023. TTYT Xuyên Mộc đạt cao nhất là 29% và TTYT Đất Đỏ đạt thấp nhất là 5,8% (*giải trình chi tiết ở phần hạn chế*).

5. Y học cổ truyền

- Hiện trên địa bàn tỉnh có 01 Bệnh viện Y học cổ truyền, 02 Khoa Y học cổ truyền tại Bệnh viện Bà Rịa và Bệnh viện Vũng Tàu, các TTYT tuyến huyện có thành lập khoa Nội, Đông y.

- Trong năm 2023, tổng số lượt khám chữa bệnh là 159.956 lượt người, giảm 33% so với năm 2022 (239.064 lượt). Trong đó: Tuyến tỉnh 95.647 lượt khám; Tuyến huyện 64.309 lượt khám.

(Chi tiết công tác khám chữa bệnh tại phụ lục 9,10,11).

6. Công tác Giám định

6.1. Giám định y khoa

Số khám sức khỏe và khám giám định: **7.792** lượt, đạt vượt **390%** so với kế hoạch năm 2023 là **2.000** lượt. Trong đó: khám giám định là 378 lượt (*đạt vượt 126%*) và khám sức khỏe là 7.414 lượt (*đạt vượt 436%*).

6.2. Giám định pháp y

Tính đến 30/11/2023: Số vụ giám định: **540**, đạt vượt **142%** so với kế hoạch năm 2023 là 380 vụ. So với năm 2022 (451 vụ) tăng 89 vụ.

7. Dân số, kế hoạch hóa gia đình

- Dân số trung bình 1.182.000 người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 10,0‰. Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ sinh ra sống là 1,8‰ (giảm so với năm 2022: 2‰). Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ sinh ra sống là 2,5‰ (bằng với năm 2022).

- Tuổi thọ trung bình năm 2023 là: 76,7 tuổi, tăng 0,1 tuổi so với năm 2022. Tỷ số giới tính khi sinh là 106,8 nam/100 nữ, tăng 0,3 so với năm 2022. Số bà mẹ được sàng lọc trước sinh là 11.074, đạt 100% so với chỉ tiêu giao là 85,0%. Số trẻ em được sàng lọc sơ sinh là 10.387, đạt 100% so với chỉ tiêu giao là 80,0%. Tổng số thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình: 64.887 người, đạt 124,7% so với kế hoạch 2023 giao là 52.000 người.

8. Y tế tư nhân

- *Hành nghề Y tư nhân:*

+ Cơ sở hành nghề Y, Y học cổ truyền tư nhân có: **623 cơ sở**, gồm: Bệnh viện đa khoa: **01**; phòng khám đa khoa tư nhân: **30**; phòng khám chuyên khoa Y: **538**; phòng khám chuyên khoa Y học cổ truyền: **57**; Cơ sở dịch vụ y tế: **28**.

+ Về nhân lực: Có **1.735** người đang hành nghề tại các cơ sở hành nghề y tế tư nhân. Trong đó nhân lực tại các bệnh viện, phòng khám đa khoa tư nhân, TTYT Dầu khí là **1.004** người (*582 Bác sĩ, 174 Y sĩ, 227 Điều dưỡng, 21 kỹ thuật viên khác*).

- *Hành nghề Dược:*

+ Cấp mới 213 chứng chỉ hành nghề Dược. Cấp 324 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược (Cấp mới 233, cấp lại/cấp điều chỉnh: 91). Cấp 471 giấy GPP (cấp mới 380, cấp lại/cấp điều chỉnh: 91).

+ Cơ sở kinh doanh bán buôn, bán lẻ thuốc có: 1355 cơ sở, gồm: 09 doanh nghiệp kinh doanh thuốc, 632 nhà thuốc, 664 quầy thuốc, 45 tủ thuốc trạm y tế xã, 05 cơ sở bán lẻ thuốc đông y, 00 đại lý bán thuốc cho doanh nghiệp.

+ Về nhân lực: Có 1355 người đang hành nghề tại các cơ sở kinh doanh bán buôn, bán lẻ thuốc: 642 dược sĩ đại học, 121 dược sĩ cao đẳng, 587 dược sĩ trung học, 01 lương dược, 02 lương y, 02 dược sĩ y học cổ truyền.

IV. CÁC CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KHÁC

1. Công tác Dược

Trong năm 2023, các gói thầu mua thuốc tập trung chưa đảm bảo tiến độ như dự kiến ban đầu nên các cơ sở khám, chữa bệnh có phần bị động trong công tác mua sắm, cung ứng thuốc tại đơn vị, dẫn đến tình trạng thiếu thuốc cục bộ ở một số đơn vị như Bệnh viện Bà Rịa, Bệnh viện Vũng Tàu, TTYT Châu Đức (tháng 9, 10/2023). Mặc dù các đơn vị vẫn còn lượng thuốc dự trữ đến quý III, IV/2023 nhưng thuốc dự trữ chưa thể đảm bảo đầy đủ cho nhu cầu thuốc phục vụ khám, chữa bệnh tại đơn vị. Do vậy, các đơn vị đã thực hiện đấu thầu mua thuốc với nhiều hình thức khác nhau (với tổng trị giá 80,7 tỷ đồng).

Hiện nay, các bệnh viện và TTYT đã thực hiện xong hầu hết các gói thầu mua thuốc nên đã đảm bảo cung ứng thuốc cho công tác khám, chữa bệnh tại đơn vị từ tháng 11/2023.

Đối với gói thầu tập trung cấp địa phương: Trong tháng 12/2023 đã có kết quả lựa chọn nhà thầu với thời gian thực hiện hợp đồng 24 tháng nên sẽ đảm bảo cung ứng thuốc cho các cơ sở khám, chữa bệnh đến hết năm 2025.

(Giải trình chi tiết ở phần hạn chế)

2. Cung ứng vật tư y tế

Trong năm 2023, tình hình cung ứng vật tư y tế thiết yếu tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đảm bảo phục vụ khám, chữa bệnh. Riêng, Bệnh viện Bà Rịa thiếu vật tư y tế kỹ thuật cao như vật tư dùng trong tim mạch can thiệp, vật tư dùng trong chấn thương chỉnh hình và vật tư y tế dùng trong phẫu thuật cột sống.

(Giải trình chi tiết ở phần hạn chế)

3. Trang thiết bị Y tế

- Dự án Trang thiết bị tại 04 đơn vị: Bệnh viện Mắt; Bệnh viện Phổi; TTYT Châu Đức; TTYT huyện Xuyên Mộc. Hội đồng thẩm định đã thẩm định Báo cáo

nghiên cứu khả thi dự án Trang thiết bị y tế cho các dự án: Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc; Xây mới Trung tâm Y tế huyện Châu Đức; Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Chẩn đoán y khoa cũ thành Bệnh viện Mắt; Cải tạo Trung tâm Y tế huyện Long Điền cũ thành Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí.

- Dự án đầu tư Trang thiết bị y tế Trung tâm Y tế Quân Dân y Côn Đảo trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025: Sở KH&ĐT đã trình UBND tỉnh bổ sung danh mục đầu tư dự án Trang thiết bị y tế Trung tâm Y tế Quân – Dân y huyện Côn Đảo trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025.

Trong năm 2023, tình hình thiết bị y tế một số cơ sở y tế như hỏng kéo dài như: Bệnh viện Bà Rịa: Hư máy CT Scanner 128 lát cắt, Máy cộng hưởng từ, máy lọc thận, ... Bệnh viện Vũng Tàu: Hư máy CT Scanner 128 lát cắt, máy cộng hưởng từ.

(Giải trình chi tiết ở phần hạn chế)

4. Cơ sở hạ tầng Y tế

Sở Y tế chủ động phối hợp với Ban Quản lý chuyên ngành dân dụng – Công nghiệp, các đơn vị liên quan theo dõi tiến độ triển khai thực hiện các dự án:

- Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí:

Dự án đã khởi công từ **tháng 9/2021**, dự kiến công trình sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng quý III/2024. Diện tích 1 ha. Số giường bệnh **tăng thêm 50 GB** (tổng: **100 GB**).

- Dự án Bệnh viện Mắt:

Dự án nâng cấp mở rộng TT chẩn đoán y khoa cũ, tại đường Phạm Ngọc Thạch, thành phố Bà Rịa (9.434 m²): **tăng thêm 50 GB** (tổng: **150 GB**). Dự án đã khởi công **tháng 10/2020**, tiến độ thực hiện đạt khoảng **75%** khối lượng, dự kiến **quý II/2024** hoàn thành.

- Dự án TTYT huyện Châu Đức:

Dự án đã khởi công tháng **8/2019**, đã hoàn thành và nghiệm thu công trình dự kiến **cuối tháng 12/2023** bàn giao cho TTYT Châu Đức để đưa vào sử dụng. Tăng thêm 20 GB (tổng 100 GB).

- Dự án Trung tâm Quân dân Y huyện Côn Đảo:

Đang triển khai thực hiện với quy mô 50 giường bệnh giai đoạn 1, tăng **10 GB** vào năm 2025 (tổng: 60 GB). Dự án đã khởi công **tháng 8/2022**. Dự kiến quý **III/2025** hoàn thành.

- Trung tâm Y tế thị xã Phú Mỹ:

Dự án nâng cấp, mở rộng bệnh viện Tân Thành đã được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán hoàn thành.

- Dự án Chi cục ATTP:

Ban Quản lý chuyên ngành dân dụng – Công nghiệp làm chủ đầu tư, đang vướng công tác giải phóng mặt bằng.

- Dự án xây Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh:

Ban QLDA CN Dân dụng và Công nghiệp đã trình Sở KH&ĐT thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối kinh phí dự án Trụ sở Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Nâng cấp Bệnh viện Vũng Tàu lên 720 giường bệnh:

Căn cứ **Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh** về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh, dự án mở rộng Bệnh viện Đa khoa Vũng Tàu thuộc danh mục dự án bổ sung chuẩn bị đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 – 2025.

Ban Quản lý Dự án Chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp tỉnh đang chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án mở rộng Bệnh viện Đa khoa Vũng Tàu để gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình UBND tỉnh theo quy định.

5. Công tác Xã hội hóa y tế

Ngành Y tế tiếp tục phối hợp với các Sở ngành, đơn vị liên quan trong xã hội hóa 03 khu đất theo hình thức đấu giá: Khu đất 04 ha tại phường 11, thành phố Vũng Tàu; Khu đất 1,7 ha tại thị xã Phú Mỹ; Khu đất 1,56 ha tại huyện Châu Đức.

6. Công tác thực hiện chuyển đổi số và triển khai Đề án 06/CP

6.1. Chuyển đổi số

6.1.1. Chính quyền số: Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý điều hành và cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Nội dung chính quyền số của tỉnh bao gồm 17 chỉ tiêu và 20 nhiệm vụ trọng tâm. Liên quan đến ngành Y tế có 04 chỉ tiêu và 01 nhiệm vụ. Cụ thể:

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/ Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 52,3% (chỉ tiêu UB Quốc Gia và Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023 là 30%).

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng DVCQG được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương đạt 100%.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến đến hết tháng 11/2023 đạt 99,5% (chỉ tiêu năm 2023 là 100%).

- Nhiệm vụ trọng tâm: Triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật như kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư (Đề án 06) với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- Kết quả: 100% các cơ sở y tế trực thuộc đã thực hiện khám, chữa bệnh BHYT bằng Căn cước công dân (CCCD) có gắn chip, bảo đảm từng bước thay thế các giấy tờ cá nhân trên cơ sở tích hợp, xác thực các thông tin, giấy tờ cá nhân vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chỉ cần sử dụng thẻ CCCD, ứng dụng định danh điện tử quốc gia của Bộ Công an (VNeID) theo Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ.

6.1.2. Kinh tế số: Thanh toán không dùng tiền mặt ngành y tế

Nội dung kinh tế số của tỉnh bao gồm 08 chỉ tiêu và 05 nhiệm vụ trọng tâm. Liên quan đến ngành Y tế có 00 chỉ tiêu và 02 nhiệm vụ. Cụ thể:

- Nhiệm vụ trọng tâm 1: Triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý. Kết quả: 100% bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh lắp đặt, sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán viện phí và các giao dịch khác.

- Nhiệm vụ trọng tâm 2: Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Kết quả: Số lượng và giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đạt 87%.

Áp dụng các hình thức thanh toán, nền tảng thanh toán số như phục vụ cho người dân như Mobile Money và thẻ (POS); tích hợp sẵn sàng module thanh toán trong phần mềm quản lý bệnh viện, cơ sở y tế.

6.1.3. Xã hội số

Nội dung xã hội số của tỉnh bao gồm 15 chỉ tiêu và 03 nhiệm vụ trọng tâm. Liên quan đến ngành Y tế có 02 chỉ tiêu và 00 nhiệm vụ. Cụ thể:

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa: TTYT các huyện, thị xã, thành phố đã triển khai, đạt 31,3%. Chỉ tiêu năm 2023 là 30%.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử. Kết quả đạt 91% (chỉ tiêu UB Quốc Gia là 80% và Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023 là 90%-95%).

6.2. Đề án 06/CP

6.2.1. Sử dụng thẻ CCCD gắn chip tích hợp BHYT trong KCB:

100%, 123/123 cơ sở khám chữa bệnh có ký hợp đồng với BHXH Sử dụng thẻ CCCD gắn chip tích hợp BHYT trong khám chữa bệnh.

6.2.2. Thực hiện liên thông dữ liệu các giấy chứng từ

+ Liên thông giấy khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh, giấy báo tử từ phần mềm quản lý khám, chữa bệnh của các cơ sở khám, chữa bệnh.

+ 100% cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu điện tử lên hệ thống Giám định Bảo hiểm y tế theo đúng quy định.

6.2.3. Thực hiện kích hoạt Định danh điện tử

Cập nhật đến ngày 31/12/2023, tỷ lệ đăng ký tài khoản đạt định danh điện tử mức 2 toàn ngành là 4.046 người, đạt 100%.

7. Công tác Tài chính Y tế

7.1. Kết quả thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước

Theo Kế hoạch được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023. Ngành Y tế được giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023: 484.948 triệu đồng, dự toán chi bổ sung đến tháng 12 năm 2023: 142.104 triệu đồng. Tổng dự toán: **627.052 triệu đồng**. Thực hiện lũy kế đến 31/12/2023: 529.993 triệu đồng. Tỷ lệ giải ngân: 92%.

Nguyên nhân tỷ lệ giải không đạt 100%:

- Kinh phí phòng chống dịch COVID-19 đạt tỷ lệ **13%**, lý do: tình hình dịch bệnh COVID-19 giảm, chuyển từ nhóm A sang nhóm B.

- Kinh phí khám sức khỏe người cao tuổi giải ngân thấp đạt **60%** lý do, không vận động được các cụ đi khám, người cao tuổi không đến địa điểm khám: người >80 tuổi đi lại khó khăn, con cháu đi làm không có người đưa đi; người từ 60-70 tuổi vẫn đi làm việc nên họ không đi khám. Công tác mời người cao tuổi đi khám quản lý sức khỏe chưa tốt nguyên nhân do không có kinh phí cho người đi mời, đi mời là những người già nên việc đi lại cũng gặp khó khăn.

- Kinh phí khám sức khỏe học sinh đạt **86%** lý do danh sách ngành Giáo dục cung cấp giữa các khối lớp số lượng không thống nhất, khám theo số lượng thực tế phát sinh.

- Kinh phí chăm sóc sức khỏe cán bộ tại BV Bà Rịa và BV Lê Lợi đạt **60%**, lý do: tiền làm thêm giờ không chi, một số khoản như: chi hỗ trợ tiền ăn nằm viện, chi phí ngoài danh mục BHYT cho những trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo, chi phí điều trị lớn hoàn cảnh gia đình khó khăn... có xây dựng dự toán nhưng không phát sinh chi phí.

7.2. Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công

- Vốn đầu tư được sử dụng theo dự toán giao năm 2023: 6.310.000.000 đồng.(1)
- Vốn đầu tư đã giải ngân năm 2023 (31/12/2023): 6.138.000.000 đồng. (2)
- Vốn đầu tư còn lại chưa giải ngân năm 2023: 172.000.000 đồng. (3)= (1)-(2)

Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 (tính đến ngày 31/12/2023): **97%**, Ước thực hiện đến 31/01/2024 là **100%**.

7.3. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024

Sở Tài chính trình UBND tỉnh ghi dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 các chương trình y tế chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên, mua sắm trang thiết bị y tế và sửa chữa trụ sở các đơn vị trực thuộc. Dự toán năm 2024: **582,775 tỷ đồng**, tăng **97,827 tỷ đồng (tăng 16,7%)** so với năm 2023 (**484,948 tỷ đồng**).

V. NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA NGÀNH Y TẾ NĂM 2023

Trong năm 2023, ngành Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã không ngừng nỗ lực triển khai thực hiện nhiều hoạt động thiết thực hướng đến mục tiêu tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Ngành Y tế đã có những kết quả nổi bật như sau:

1. Ký kết thoả thuận hợp tác phát triển giữa Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh và Sở Y tế các tỉnh vùng Đông Nam Bộ.

Sự hợp tác phát triển này đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao năng lực của hệ thống y tế khu vực Đông Nam bộ, góp phần không ngừng cải thiện chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân trong khu vực, sớm hoàn thành các mục tiêu về y tế theo Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Ký kết thoả thuận hợp tác và phát triển nhằm đẩy mạnh hơn nữa sự hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao kỹ thuật và đào tạo nhân lực chuyên môn giữa các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa đầu ngành của TP Hồ Chí Minh với các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa của các tỉnh trong khu vực. Bên cạnh đó, ký kết thoả thuận hợp tác và phát triển còn mở ra một hướng mới giúp nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân thông qua việc kết nối dữ liệu và thông tin trong công tác phòng chống dịch bệnh, xây dựng mạng lưới chăm sóc và điều trị chuyên khoa theo quy mô vùng.

2. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và triển khai nhiều kỹ thuật mới, chuyên sâu đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân.

Công tác nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và triển khai nhiều kỹ thuật mới, chuyên sâu đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân được quan

tâm và chỉ đạo của Lãnh đạo ngành Y tế và trong năm 2023 đã đạt được một số thành tựu đáng kể sau:

+ *Về cấp cứu, hồi sức*: đã thực hiện nhiều ca sốc điện khử rung và chuyển nhịp, triển khai thực hiện tim mạch can thiệp chương trình và cấp cứu, thực hiện đặt máy tạo nhịp tạm thời, lọc máu liên tục, sốc điện chuyển nhịp tim, điều trị rối loạn nhịp tim nặng có rối loạn huyết động, sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị thuyên tắc động mạch phổi, nhồi máu não, nhồi máu cơ tim; cấp cứu ngoại khoa đa thương do tai nạn giao thông, tai nạn lao động, vết thương tim, thủng tạng rỗng, nối chi đứt lìa...;

+ *Về các bệnh lý nội khoa*: điều trị được nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não, cơn hen phế quản nặng, điều trị các bệnh đái tháo đường typs 2 có biến chứng tăng đường huyết, tăng áp lực thẩm thấu, rối loạn điện giải, các trường hợp nhiễm trùng huyết do viêm mô tế bào, viêm mô mềm và nhiễm trùng từ đường tiêu hóa, tiết niệu, bệnh thận mạn giai đoạn 4 - 5, hội chứng thận hư; oxy cao áp, cấy chỉ, bơm Surfactant cho trẻ sơ sinh non tháng...;

+ *Về các bệnh lý ngoại khoa*: thực hiện các phẫu thuật nội soi ổ bụng cắt ruột thừa, sỏi túi mật, khâu lỗ thủng dạ dày, thay khớp háng, khớp gối, nội soi khớp gối và phẫu thuật vi phẫu chuyên vạt da-cơ, điều trị bệnh nhân bong, phẫu thuật FAV, tạo hình thân sống xếp lún, điều trị phẫu thuật gãy cột sống cổ, tạo hình hộp sọ; phẫu thuật u não ở các vị trí khó...;

+ *Về Ung bướu*: thực hiện được các phẫu thuật: ung thư đại trực tràng, ung thư dạ dày, ung thư vú, sinh thiết, phẫu thuật tuyến giáp; đã thực hiện hóa trị ung thư đại tràng theo phác đồ XELOX, hóa trị ung thư dạ dày theo phác đồ DCX, thực hiện hóa trị ung thư phổi, hóa trị ung thư thực quản và thực hiện chăm sóc giảm nhẹ cho hầu hết các bệnh ung thư giai đoạn cuối.

3. Bà Rịa - Vũng Tàu được Viện Sốt rét – Ký sinh trùng côn trùng trung ương, Bộ Y tế công nhận Bệnh Sốt rét.

Hội đồng chuyên môn đánh giá loại trừ Sốt rét của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng côn trùng trung ương, Bộ Y tế đã đánh giá và công nhận Bệnh Sốt rét tại Quyết định số 1473/QĐ-VSR ngày 29/12/2022.

4. Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngành y tế đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 23/2022/QĐ – UBND ngày 25/11/2022 về việc Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ký hiệu: QCĐP 01:2022/BR-VT, có hiệu lực từ ngày **01/02/2023**. Quy chuẩn kỹ thuật địa phương gồm **50 thông số** quy chuẩn kỹ thuật chất lượng nước sạch và ngưỡng giới hạn cho phép. Đến nay, Bà Rịa - Vũng Tàu là tỉnh một trong 30 tỉnh thành đã ban

hành Quy chuẩn.

5. Công tác Y tế và An toàn thực phẩm cho các sự kiện được đảm bảo.

Trong năm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã đăng cai tổ chức nhiều sự kiện lớn và có ý nghĩa quan trọng như các hoạt động tri ân Anh hùng liệt sĩ tại Côn Đảo, các sự kiện du lịch của tỉnh và các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng của tỉnh.

Ngành Y tế đã chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, địa phương liên quan đảm bảo công tác Y tế và an toàn thực phẩm cho các sự kiện quan trọng của tỉnh, không để xảy ra các sự cố.

Đối với công tác an toàn thực phẩm thường xuyên duy trì trong thanh tra, kiểm tra các đợt cao điểm của sự kiện. Công tác kiểm tra, hậu kiểm được thực hiện cả 3 cấp, qua đó chấn chỉnh những thiếu sót và xử lý nghiêm những sai phạm của cơ sở sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện công tác Y tế và đảm bảo an toàn thực phẩm, ngành y tế lồng ghép làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức, pháp luật về y tế và an toàn thực phẩm, nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng trong bảo đảm an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh.

VI. NHỮNG HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Trong năm 2023, ngành y tế đã nhận diện được 04 nội dung còn hạn chế sau:

- Chỉ tiêu tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ chỉ đạt **89,46%**, không đạt so với chỉ tiêu được giao năm 2023 là **98%**
- Công suất sử dụng giường bệnh tuyến huyện thấp.
- Trong năm còn xảy ra thiếu thuốc cục bộ ở một số đơn vị như Bệnh viện Bà Rịa, Bệnh viện Vũng Tàu, TTYT huyện Châu Đức (tháng 9, 10/2023).
- Tình trạng thiếu vật tư, trang thiết bị y tế tại một số đơn vị.

1. Chỉ tiêu tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ chỉ đạt 89,46%, không đạt so với chỉ tiêu được giao năm 2023 là 98%

Vắc xin trong chương trình TCMR do nguồn từ Bộ Y tế cung ứng cho các địa phương, hiện đang gián đoạn cung ứng vắc xin trên địa bàn tỉnh cũng là tình hình chung của các tỉnh, thành trong cả nước.

Từ đầu năm 2023 đến nay, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã ban hành tổng cộng 09 văn bản đề xuất của UBND tỉnh, Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh gửi Bộ Y tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Viện Pasteur TP HCM về tình hình vắc xin Tiêm chủng mở rộng.

Hiện tại, TTKSBT tỉnh đã rà soát lại số lượng nhu cầu vắc xin sử dụng trong chương trình TCMR gửi Bộ Y tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Viện Pasteur TP HCM. Như vậy, ngay sau khi các vắc-xin được Bộ Y tế cung ứng trở lại, địa

phương sẽ nhanh chóng triển khai phương án tiêm bù, tiêm vét cho những trẻ đã bị trễ lịch tiêm.

2. Công suất sử dụng giường bệnh tuyến huyện thấp

Tâm lý người bệnh chưa mặn mà và yên tâm với chất lượng chuyên môn ở Trung tâm Y tế, trong khi đó với chính sách thông tuyến tỉnh nội trú được quy định bởi Luật Bảo hiểm y tế, người bệnh cần nhập viện điều trị nội trú thì đi thẳng lên bệnh viện tuyến tỉnh. Y tế tư nhân phát triển, người bệnh có thẻ Bảo hiểm y tế tự đi khám chữa bệnh tại các phòng khám đa khoa tư nhân sẽ được Quỹ Bảo hiểm y tế chi trả.

3. Tình trạng thiếu thuốc

*** Nguyên nhân gói thầu tập trung cấp địa phương chưa kịp tiến độ như dự kiến:**

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số BV và TTYT lập kế hoạch dự trù thuốc đấu thầu tập trung gửi về sở còn chậm trễ. Các BV và TTYT từ trước đây chưa tự đấu thầu thuốc theo phân cấp nên không tiên lượng được và không chủ động được nguồn thuốc tại đơn vị.

+ Chưa thực hiện tốt việc dự báo những tình huống mới xảy ra (thay đổi quy định, lượng bệnh nhân tăng ...), do đó lúng túng trong xử lý khi có tình huống mới phát sinh.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Từ tháng 7/2022, Sở Y tế đã triển khai cho các đơn vị thực hiện xây dựng danh mục thuốc để đấu thầu tập trung. Trong quá trình thực hiện, có một số nội dung chưa thống nhất giữa ngành Y tế và cơ quan BHXH, do vậy, Sở Y tế đã phải có 03 văn bản hỏi Bộ Y tế và Cục Quản lý Dược để được hướng dẫn.

+ Sang năm 2023, trong giai đoạn UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc cho giai đoạn 2023 - 2025, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập. Vì thế, UBND tỉnh đã yêu cầu Sở Y tế rà soát và xây dựng lại Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc theo quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BYT của Bộ Y tế. Do vậy, Sở Y tế phải rà soát, xây dựng lại kế hoạch. Sau khi hoàn thiện kế hoạch thì phải thẩm định lại toàn bộ kế hoạch để trình UBND tỉnh nên mất nhiều thời gian, dẫn đến chậm tiến độ.

4. Tình trạng thiếu vật tư, trang thiết bị y tế tại một số đơn vị

4.1. Đối với vật tư y tế

Trong năm 2023, tình hình cung ứng vật tư y tế thiết yếu tại các cơ sở y tế trên

địa bàn tỉnh đảm bảo phục vụ khám, chữa bệnh. Riêng, Bệnh viện Bà Rịa thiếu vật tư y tế kỹ thuật cao như vật tư dùng trong tim mạch can thiệp, vật tư dùng trong chấn thương chỉnh hình và vật tư y tế dùng trong phẫu thuật cột sống.

Nguyên nhân:

- Khi tham khảo giá trúng thầu trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế và mạng đấu thầu Quốc gia: Tên hàng hóa đưa lên cổng thông tin thường là tên thương mại nên việc tra cứu cũng gặp nhiều khó khăn. Trong khi vật tư có hàng ngàn chủng loại khác nhau, do vậy việc thu thập đủ thông tin các tiêu chuẩn tính năng kỹ thuật theo quy định gây khó khăn và chậm, ảnh hưởng tới tiến độ tổ chức đấu thầu.

- Khi xây dựng các gói thầu lớn (có nhiều mặt hàng), theo Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập yêu cầu khi các công ty gửi báo giá phải có hồ sơ chứng minh (tiêu chuẩn, tính năng kỹ thuật), vì vậy việc tiến độ xây dựng dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu bị chậm lại, vì các nhà cung cấp không có đủ hồ sơ chứng minh cho các hàng hóa tham gia gửi báo giá.

- Trong thời gian vừa qua các cơ quan chức năng khi thanh tra, kiểm tra yêu cầu các chủ đầu tư (bên mời thầu) phải làm hết trách nhiệm trong quá trình mua sắm, nhất là dự toán và giá gói thầu đảm bảo đúng giá thị trường. Trong khi việc thu thập thông tin giá hàng hóa còn nhiều hạn chế.

- Các cơ quan Trung ương và địa phương chưa kiểm soát được giá công khai trên cổng thông tin theo quy định pháp luật về giá.

- Do hậu quả của tình hình dịch bệnh Covid-19, nguồn thu của các cơ sở y tế giảm, thu không đủ bù chi làm cho các cơ sở y tế không đủ tiền để trả nợ tiền vật tư y tế cho các công ty cung cấp. Do đó, các công ty cung ứng cũng giao vật tư cầm chừng.

4.2. Đối với thiết bị y tế

Trong năm 2023, tình hình thiết bị y tế một số cơ sở y tế như hỏng kéo dài như: Bệnh viện Bà Rịa: Hư máy CT Scanner 128 lát cắt, Máy cộng hưởng từ, máy lọc thận, ... Bệnh viện Vũng Tàu: Hư máy CT Scanner 128 lát cắt, máy cộng hưởng từ.

Nguyên nhân

- Chưa dự đoán được tình trạng hoạt động của trang thiết bị.
- Do định mức đối với những trang thiết bị quy định chỉ có 01, do đó khi bảo trì, hỏng không có trang thiết bị thay thế.
- Do hậu quả của tình hình dịch bệnh Covid-19, nguồn thu của các cơ sở y tế giảm, thu không đủ bù chi làm cho các cơ sở y tế không đủ tiền để bảo trì, sửa chữa.
- Giá thu viện phí hiện nay chưa tính đúng, tính đủ.

Bài học Kinh nghiệm của những hạn chế

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động có tính phù hợp, khả thi đối với từng nhiệm vụ, tổ chức triển khai và phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể tới từng tập thể, cá nhân, đồng thời tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện.
- Chủ động, liên tục rà soát, cập nhật các văn bản pháp luật để kịp thời sửa đổi, bổ sung đáp ứng nhu cầu thực tiễn.
- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh.
- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị; coi trọng sơ kết, đánh giá thực tiễn, kịp thời rút kinh nghiệm gắn với nâng cao năng lực phân tích, đánh giá, dự báo, cảnh báo, nắm chắc tình hình, kịp thời ứng phó, xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2024

Ngành Y tế đã ban hành Kế hoạch số 160/KH-SYT ngày 29/12/2023 về việc thực hiện công tác Y tế năm 2024 và Quyết định số 1259/QĐ-SYT ngày 29/12/2023 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện công tác y tế năm 2024 với các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Tăng cường năng lực ứng phó với các dịch bệnh. Đẩy mạnh tiêm chủng và phòng ngừa bệnh tật. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chất lượng dịch vụ y tế và đảm bảo sự tiện lợi và an toàn cho bệnh nhân. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đề án 06 trong toàn ngành Y tế và cải cách hành chính, nâng cao chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công. Đổi mới hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân.

2. Chỉ tiêu

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024
01	Bác sĩ/ vạn dân	Bác sĩ	9,5	9,8
02	Giường bệnh/ vạn dân	Giường	20,4	21,3
03	Trạm y tế xã phường có bác sỹ làm việc (tối thiểu 2 buổi/tuần)	%	100	100
04	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	89,46	98
05	Tỷ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn	%	100	100
06	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	76,7	76,7
07	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	10,0	<10,0
08	Tỷ số giới tính khi sinh	số bé trai/ 100 bé gái	106,8	<109,8
08	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống	⁰ /0000	25,9	< 26
10	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰	1,8	< 8
11	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰	2,5	< 14
12	Tỷ lệ người nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng	%	0,29	< 0,3
13	Số người mắc ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân	Người	0,43	< 7
14	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	93,3	≥95
15	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	91	95

II. TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Chủ động phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh mới nổi, tái nổi và không đề dịch chông dịch. Theo dõi chặt chẽ tình hình các dịch bệnh trên thế giới, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch và phương án xử lý có hiệu quả, kịp thời trong các tình huống dịch bệnh có thể xảy ra.

2. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Đẩy mạnh thực hiện mô hình bệnh viện vệ tinh tăng cường chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới; thực hiện đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, luân phiên Bác sĩ từ Bệnh viện tỉnh, Trung tâm Y tế về Trạm Y tế và ngược lại.

3. Tăng cường kiểm tra, giám sát về an toàn vệ sinh thực phẩm.

4. Đẩy mạnh nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, từng bước đảm bảo đủ số lượng, nâng cao chất lượng cho đội ngũ nhân viên y tế các tuyến.

5. Thực hiện tốt công tác quản lý tài sản công, sắp xếp cơ sở nhà đất; lập kế hoạch nhu cầu thuốc, vật tư, sinh phẩm, trang thiết bị y tế cho công tác phòng chống dịch và khám, chữa bệnh; đảm bảo chất lượng, tiến độ công tác thẩm định, đấu thầu mua sắm thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế đúng các quy định hiện hành, không để xảy ra tình trạng thiếu thuốc, vật tư y tế.

6. Đẩy mạnh chuyên đổi số, đề án 06 trong toàn ngành Y tế và cải cách hành chính, nâng cao chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công năm 2024.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Phát triển Y tế dự phòng

- Chủ động phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh mới nổi, tái nổi và không đề dịch chông dịch. Tiếp tục theo dõi diễn biến dịch COVID-19, nhất là các biến thể mới. Tăng cường giám sát và có biện pháp phòng chống kịp thời các bệnh có số mắc cao như tay chân miệng, sốt xuất huyết,... Đảm bảo không để xảy ra các trường hợp dịch bệnh bùng phát và lan rộng.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình các dịch bệnh trên thế giới, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch thích ứng linh hoạt và phương án xử lý có hiệu quả, kịp thời trong các tình huống dịch bệnh có thể xảy ra.

- Tăng cường công tác tiêm chủng trong tiêm chủng mở rộng. Triển khai các giải pháp đảm bảo và duy trì tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ dưới 01 tuổi đạt kế hoạch khi Bộ Y tế cung cấp đủ vắc-xin. Tăng cường giám sát tiêm chủng. Có giải pháp, kiến nghị, đề xuất nhằm khắc phục tình trạng thiếu vắc xin và nâng cao tỷ lệ tiêm chủng để đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Triển khai hiệu quả các hoạt động về an toàn sinh học và xét nghiệm, nâng cao năng lực hệ thống xét nghiệm bệnh truyền nhiễm. Tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của chiến lược quốc gia chấm dứt bệnh AIDS, sốt rét, lao vào năm 2030, giảm số người nhiễm mới HIV, sốt rét, lao và tử vong liên quan đến AIDS, sốt rét, lao.

- Có giải pháp cụ thể để quản lý các chỉ tiêu được giao đạt kế hoạch năm 2024.

- Chủ động thực hiện và hoàn thành “Đề án nâng cao năng lực Trung tâm Kiểm soát bệnh tật”, trình phê duyệt để kịp thời đầu tư nguồn lực, phát triển trung tâm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm; bệnh không lây nhiễm; quản lý sức khỏe cộng đồng; phòng, chống các tác động của yếu tố nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe; khám, phát hiện, điều trị dự phòng các bệnh, tật.

- Tăng cường năng lực hệ thống y tế dự phòng từ tỉnh đến cơ sở, tập trung vào hoạt động giám sát dịch, phát hiện sớm và chủ động dập dịch kịp thời, giảm tỷ lệ mắc và tử vong do các bệnh truyền nhiễm.

- Tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em: Không để xảy ra tình trạng tử vong mẹ, tử vong trẻ em; Tập trung cải thiện tình trạng dinh dưỡng phụ nữ có thai, bà mẹ và trẻ em, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em; Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi và kiểm soát có hiệu quả tình trạng thừa cân béo phì hướng đến đạt được các mục tiêu Phát triển bền vững.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình y tế; triển khai phong trào vệ sinh yêu nước, nâng cao sức khỏe nhân dân; 100% chất thải y tế được phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; nâng cao năng lực và tăng cường giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; tăng cường quản lý nhà nước về hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

- Nâng cao nhận thức cho người lao động về vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc. Tăng cường giám sát môi trường lao động, khám phát hiện, phòng chống bệnh nghề nghiệp.

- Tập trung đẩy mạnh Chương trình sức khỏe Việt Nam, Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến 2040, Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh. Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Chủ động duy trì vững chắc mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; nâng cao chất lượng dân số. Tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản.

2. Công tác khám, chữa bệnh: Tăng cường hoạt động khám, chữa bệnh và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc người bệnh

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; chất lượng bệnh viện thông qua đánh giá Bộ tiêu chí bệnh viện của Bộ Y tế hàng năm; sự hài lòng của người bệnh đối với cơ sở y tế. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ y tế. Tăng cường các giải pháp nhằm bảo đảm an ninh, an toàn tại các cơ sở y tế.

- Đẩy mạnh thực hiện bệnh viện vệ tinh, tăng cường chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Tiếp tục phát triển mạnh công tác chuyển đổi số trong khám, chữa bệnh; trong đó có khám, chữa bệnh từ xa.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án tăng cường năng lực hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm y học giai đoạn 2016 - 2025 theo Quyết định 316/QĐ-TTg ngày 27/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hợp tác xây dựng và phát triển mạng lưới y tế chuyên sâu từ bệnh viện tuyến cuối đến tuyến y tế cơ sở để hình thành mạng lưới các chuyên khoa theo quy mô vùng Đông Nam Bộ với các bệnh lý nguy hiểm có nguy cơ tử vong cao như Ung thư, tim mạch, đột quỵ, Ngoại chấn thương, sản khoa, nhi khoa (theo mục tiêu về y tế theo chỉ thị của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

- Triển khai phát triển chuyên môn tại các bệnh viện tuyến tỉnh:

+ Bệnh viện Bà Rịa: Phát triển các chuyên khoa mũi nhọn đầu ngành: Tim mạch can thiệp; Ung bướu; Chẩn đoán hình ảnh; Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình; Răng hàm mặt và đột quỵ. Tiếp tục duy trì, triển khai hiệu quả các chuyên khoa sâu: Hồi sức tim mạch, Hồi sức Nhi – sơ sinh; Ngoại thần kinh; Vi phẫu; Ngoại chỉnh hình.

+ Bệnh viện Vũng Tàu: Phát triển đơn nguyên Đột quỵ; tăng cường công tác cấp cứu, cấp cứu Ngoại khoa, cấp cứu Sản khoa và Gây mê hồi sức.

+ Đối với các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh: Phát triển chuyên khoa đầu ngành thuộc lĩnh vực Mắt, Tâm thần, Y học cổ truyền và Bệnh Phổi.

- Giải quyết các vướng mắc, bất cập phát sinh trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế (BHYT).

- Tiếp tục triển khai Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030 theo Quyết định 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2029 của Thủ tướng chính phủ.

3. Phát triển Y tế cơ sở

- Triển khai thực hiện Chỉ thị 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư “về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới”.

- Xây dựng “Kế hoạch thành lập khoa vệ tinh của Bệnh viện Bà Rịa tại trung tâm y tế tuyến huyện”.

- Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố xây dựng chương trình hành động phát triển chuyên môn của đơn vị và tăng cường hoạt động của trạm y tế, tập trung một số nhiệm vụ chủ yếu như sau:

+ Tập trung phát triển ổn định khoa Cấp cứu, đảm bảo cấp cứu nội viện và cấp cứu ngoại viện kịp thời, an toàn và hiệu quả; phát triển ổn định khoa Khám bệnh, đảm bảo đủ nhân lực, đủ chuyên khoa để tổ chức khám chữa bệnh ngoại trú, đồng thời khám sức khỏe cho người dân và khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

+ Trạm Y tế: Đẩy mạnh hoạt động khám chữa bệnh, quản lý người bệnh mắc các loại bệnh không lây tại Trạm Y tế; tiếp tục mở rộng triển khai khám chữa bệnh tại Trạm Y tế theo nguyên lý Y học gia đình.

- Thực hiện đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, luân phiên bác sỹ từ trung tâm y tế về trạm y tế xã và ngược lại để nâng cao trình độ chuyên môn cho viên chức y tế xã.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, đề án 06 và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trạm y tế xã. Triển khai khám chữa bệnh từ xa.

4. Phát triển nhân lực y tế và củng cố công tác quản lý của các đơn vị

- Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo để phát triển nguồn nhân lực chuyên môn cho ngành y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, giai đoạn 2024-2030.”

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyên khoa nhằm phát triển chuyên môn các chuyên khoa sâu tại theo định hướng phát triển chuyên môn của ngành Y tế.

- Tăng cường thu hút bác sỹ về tỉnh làm việc; thu hút nguồn nhân lực đối với các vị trí việc làm khó tuyển dụng tại các bệnh viện/ trung tâm y tế.

- Đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản lý cho các đơn vị trực thuộc đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; kiện toàn tổ chức bộ máy; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ theo đúng quy định và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kịp thời, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định khi bổ nhiệm.

- Thực hiện phân cấp gắn với nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các đơn vị; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

5. Công tác Tài chính Y tế

- Phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch đầu tư công năm 2024 theo đúng thời gian quy định; tổ chức điều hành hiệu quả dự toán ngân sách năm 2024.
- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.
- Tăng cường giải quyết vướng mắc, bất cập phát sinh trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế.

6. An toàn thực phẩm

- Tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm, nhất là bếp ăn tập thể tại trường học, khu công nghiệp,...; dịch vụ nấu ăn lưu động. Chủ động giám sát ô nhiễm thực phẩm, giám sát môi nguy an toàn thực phẩm, lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu đánh giá ô nhiễm về vi sinh, hóa học để cảnh báo sớm tới cộng đồng.
- Tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác kiểm tra các cơ sở, chất lượng kiểm tra các cơ sở, xử lý nghiêm các cơ sở cố tình vi phạm về an toàn thực phẩm. Tập trung kiểm tra, giám sát, bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các loại thực phẩm tươi sống, sử dụng hàng ngày cho người dân.

7. Tăng cường thanh tra, kiểm tra

- Tăng cường kiểm tra công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập.
- Tăng cường kiểm tra tuân thủ các quy định pháp luật của cơ sở hành nghề y, dược tư nhân.
- Tăng cường thanh tra, kiểm tra tuân thủ các quy định pháp luật về lĩnh vực Y tế dự phòng.
- Tăng cường kiểm tra bán thuốc kê đơn, đặt biệt là thực hiện việc kê đơn điện tử; thực hiện việc cấp tài khoản liên thông trên Cổng dữ liệu dược quốc gia cho các cơ sở kinh doanh thuốc.

8. Tăng cường hoạt động truyền thông y tế

- Tăng cường đẩy mạnh truyền thông về chính sách y tế đặc biệt là các chính sách có ảnh hưởng trực tiếp tới người dân. Tiếp tục tuyên truyền cho việc thực hiện đổi mới phong cách thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh.
- Củng cố tăng cường năng lực truyền thông. Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác truyền thông y tế.
- Chủ động tuyên truyền và cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời cho các cơ quan báo chí các thông tin về dịch bệnh, bệnh tật, các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, chú trọng thông tin, khuyến cáo về phòng, chống các dịch bệnh và công

tác tiêm chủng vắc xin phòng bệnh, giúp người dân nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe và chủ động phòng ngừa.

- Tăng cường tuyên truyền về những vấn đề trọng tâm của ngành Y tế. Định hướng dư luận với các vấn đề về y tế, thông qua đó cùng để phối hợp và tuyên truyền tới người dân.

- Quản lý thông tin y tế, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời khi xảy ra các sự cố trong công tác khám, chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các lĩnh vực quản lý của ngành y tế. Nâng cao năng lực quản lý thông tin, truyền thông y tế cho cán bộ, nhân viên toàn ngành, chú trọng về: triển khai Quy chế phát ngôn, kỹ năng phát ngôn, cung cấp thông tin, truyền thông giáo dục sức khỏe, truyền thông nguy cơ...

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát thực hiện Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

- Đẩy mạnh truyền thông trên nền tảng mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube, Wikipedia, Tiktok, Lotus...). Tăng cường kết nối các trang mạng xã hội của Bộ Y tế như: Fanpage Sức khỏe Việt Nam, kênh Youtube Bộ Y tế, trang Zalo Bộ Y tế, trang Lotus Bộ Y tế, trang Tiktok Bộ Y tế với các trang mạng xã hội của các đơn vị, địa phương.

9. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Duy trì dịch vụ công cấp độ 3, 4 tất cả dịch vụ công của Sở Y tế.

- Tiếp tục rà soát, thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế, tổng hợp trình UBND tỉnh công bố cắt giảm thời gian giải quyết đối với TTHC thuộc lĩnh vực ngành Y tế.

- Theo dõi và không để việc tình trạng hồ sơ quá hạn giải quyết.

10. Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc

- Chủ động triển khai thực hiện dự án đầu tư công do Sở Y tế làm chủ đầu tư; phối hợp với Ban quản lý, UBND các huyện, thị, thành là chủ đầu tư các dự án đầu tư công giai đoạn 2021- 2025, đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất để đưa vào hoạt động.

- Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nhân lực, thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế; kiến nghị giải quyết kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong đấu thầu, mua sắm thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế.

- Nâng cao năng lực quản lý trang thiết bị, vật tư y tế tại tất cả các đơn vị. Công khai, minh bạch, tăng cường biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý theo quy định các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm trong mua sắm.

11. Xã hội hóa y tế

- Tiếp tục theo dõi tiến độ các dự án xã hội hoá lĩnh vực y tế đang thực hiện.

- Chủ động đề xuất các giải pháp đẩy mạnh thực hiện các dự án xã hội hóa lĩnh vực y tế; liên doanh, liên kết nhằm huy động các nguồn lực ngoài nhà nước cho phát triển y tế.

12. Đẩy mạnh chuyển đổi số ngành Y tế và triển khai Đề án 06/CP

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành Y tế theo Kế hoạch Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 31/05/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin ngành Y tế đến năm 2025 và kế hoạch chuyển đổi số ngành Y tế năm 2024.

- Duy trì triển khai kết nối với hệ thống thông tin để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật như kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư (Đề án 06) với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Cụ thể là: thực hiện khám, chữa bệnh BHYT bằng Căn cước công dân (CCCD) có gắn chip; liên thông dữ liệu các giấy chứng từ: Liên thông giấy khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh, giấy báo tử từ phần mềm quản lý khám, chữa bệnh của các cơ sở khám, chữa bệnh;...

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác Y tế năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024./.

Đính kèm theo các phụ lục liên quan.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (báo cáo);
- Tỉnh ủy (báo cáo);
- HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở KHĐT; Sở Tài chính;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Các P.Giám đốc SYT;
- Các Cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Các Phòng Y tế H/TX/TP;
- Các phòng CMNV SYT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Phạm Minh An

Phụ lục 1: Bảng phân công thực hiện các chỉ tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024

Bảng phân công thực hiện các chỉ tiêu năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Lãnh đạo Sở Y tế phụ trách	Phòng chuyên môn Sở Y tế phụ trách	Đơn vị chủ trì thực hiện	Định kỳ báo cáo
01	Bác sĩ/ vạ dân	Bs. Phạm Minh An – Giám đốc SYT	Văn phòng Sở Y tế	Các đơn vị khám chữa bệnh, phòng Nghiệp vụ	Hàng Quý
02	Giường bệnh/ vạ dân	Bs. Phạm Minh An – Giám đốc SYT	Văn phòng Sở Y tế	Các đơn vị khám chữa bệnh, phòng Nghiệp vụ	Hàng Quý
03	Trạm y tế xã phường có bác sỹ làm việc (<i>tối thiểu 2 buổi/tuần</i>)	Bs. Phạm Minh An – Giám đốc SYT	Văn phòng Sở Y tế	TTYT các huyện, thị xã, thành phố	Hàng Quý
04	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bs. Phạm Minh An – Giám đốc SYT	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Phòng Nghiệp vụ; TTKSBT tỉnh và TTYT các huyện, thị xã, thành phố.	Hàng tháng
05	Tỷ lệ chất thải y tế của các cơ sở y tế được xử lý đạt quy chuẩn	Bs. Nguyễn Văn Thái – Phó Giám đốc SYT	Phòng Nghiệp vụ	Các đơn vị trực thuộc SYT và cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh	Hàng tháng
06	Tuổi thọ trung bình	Bs. Nguyễn Văn Thái – Phó Giám đốc SYT	Phòng Nghiệp vụ	CC Dân số - KHHGD	Hàng Quý
07	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	Bs. Nguyễn Văn Thái – Phó Giám đốc SYT	Phòng Nghiệp vụ	CC Dân số - KHHGD	Hàng Quý
08	Tỷ số giới tính khi sinh	Bs. Nguyễn Văn Thái – Phó Giám đốc SYT	Phòng Nghiệp vụ	CC Dân số - KHHGD	Hàng Quý
09	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống	Bs. Trần Ngọc Triệu – Phó Giám đốc SYT	Phòng Nghiệp vụ	TTKSBT tỉnh	Hàng tháng
10	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	Bs. Nguyễn Văn Thái – Phó Giám đốc SYT	Phòng Nghiệp vụ	TTKSBT tỉnh	Hàng tháng

TT	Chỉ tiêu	Lãnh đạo Sở Y tế phụ trách	Phòng chuyên môn Sở Y tế phụ trách	Đơn vị chủ trì thực hiện	Định kỳ báo cáo
11	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	Bs. Nguyễn Văn Thái – Phó Giám đốc SYT	Phòng Nghiệp vụ	TTKSBT tỉnh	hàng tháng
12	Tỷ lệ người nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng	Bs. Nguyễn Văn Thái – Phó Giám đốc SYT	Phòng Nghiệp vụ	TTKSBT tỉnh	Hàng tháng
13	Số người mắc ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân	Bs. Nguyễn Văn Thái – Phó Giám đốc SYT	Phòng Nghiệp vụ	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Hàng tháng
14	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	Ths. Bùi Chí Tình – Phó Giám đốc SYT	Phòng Nghiệp vụ	Các đơn vị trực thuộc SYT	Hàng Quý
15	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	Ths. Bùi Chí Tình – Phó Giám đốc SYT	Phòng Kế hoạch – Tài chính	TTYT các huyện, thị xã, thành phố.	Hàng Quý

Bảng phân công thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024

STT	CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm đầu ra
1	Phát triển Y tế dự phòng				
	- Chủ động phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh mới nổi, tái nổi và không để dịch chổng dịch. Tiếp tục theo dõi diễn biến dịch COVID-19, nhất là các biến thể mới. Tăng cường giám sát và có biện pháp phòng chống kịp thời các bệnh có số mắc cao như tay chân miệng, sốt xuất huyết,... Đảm bảo không để xảy ra các trường hợp dịch bệnh bùng phát và lan rộng.	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	Các đơn vị trực thuộc SYT	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
	- Theo dõi chặt chẽ tình hình các dịch bệnh trên thế giới, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch thích ứng linh hoạt và phương án xử lý có hiệu quả, kịp thời trong các tình huống dịch bệnh có thể xảy ra.			15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
	- Tăng cường công tác tiêm chủng trong tiêm chủng mở rộng. Triển khai các giải pháp đảm bảo và duy trì tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ dưới 01 tuổi đạt kế hoạch khi Bộ Y tế cung cấp đủ vắc-xin. Tăng cường giám sát tiêm chủng. Có giải pháp, kiến nghị, đề xuất nhằm khắc phục tình trạng thiếu vắc xin và nâng cao tỷ lệ tiêm chủng để đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.			15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
	- Triển khai hiệu quả các hoạt động về an toàn sinh học và xét nghiệm, nâng cao năng lực hệ thống xét nghiệm bệnh truyền nhiễm. Tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của chiến lược quốc gia chấm dứt bệnh AIDS, sốt rét, lao vào năm 2030, giảm số người nhiễm mới HIV, sốt rét, lao và tử vong liên quan đến AIDS, sốt rét, lao.			15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
	- Có giải pháp cụ thể để quản lý các chỉ tiêu được giao đạt kế hoạch năm 2024.			15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả
	- Chủ động thực hiện và hoàn thành “Đề án nâng cao năng lực Trung tâm Kiểm soát bệnh tật”, trình phê duyệt để kịp thời đầu tư nguồn lực, phát triển trung tâm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm; bệnh không lây nhiễm; quản lý sức khỏe cộng đồng; phòng, chống các			15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng

tác động của yếu tố nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe; khám, phát hiện, điều trị dự phòng các bệnh, tật.				
- Tăng cường năng lực hệ thống y tế dự phòng từ tỉnh đến cơ sở, tập trung vào hoạt động giám sát dịch, phát hiện sớm và chủ động dập dịch kịp thời, giảm tỷ lệ mắc và tử vong do các bệnh truyền nhiễm.			15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
- Tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em: Không để xảy ra tình trạng tử vong mẹ, tử vong trẻ em; Tập trung cải thiện tình trạng dinh dưỡng phụ nữ có thai, bà mẹ và trẻ em, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em; Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi và kiểm soát có hiệu quả tình trạng thừa cân béo phì hướng đến đạt được các mục tiêu Phát triển bền vững.			15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
- Tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình y tế; triển khai phong trào vệ sinh yêu nước, nâng cao sức khỏe nhân dân; 100% chất thải y tế được phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; nâng cao năng lực và tăng cường giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; tăng cường quản lý nhà nước về hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.			15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
- Nâng cao nhận thức cho người lao động về vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc. Tăng cường giám sát môi trường lao động, khám phát hiện, phòng chống bệnh nghề nghiệp.			15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
- Tập trung đẩy mạnh Chương trình sức khỏe Việt Nam, Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến 2040, Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh. Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.			15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Chủ động duy trì vững chắc mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; nâng cao chất lượng dân số. Tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản.	CC Dân số KHHGD	Các đơn vị trực thuộc SYT	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng

2	Công tác khám, chữa bệnh: Tăng cường hoạt động khám, chữa bệnh và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc người bệnh				
	- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; chất lượng bệnh viện thông qua đánh giá Bộ tiêu chí bệnh viện của Bộ Y tế hàng năm; sự hài lòng của người bệnh đối với cơ sở y tế. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ y tế. Tăng cường các giải pháp nhằm bảo đảm an ninh, an toàn tại các cơ sở y tế.	Các cơ sở KCB trực thuộc Sở	Phòng Nghiệp vụ	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
	- Đẩy mạnh thực hiện bệnh viện vệ tinh, tăng cường chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Tiếp tục phát triển mạnh công tác chuyển đổi số trong khám, chữa bệnh; trong đó có khám, chữa bệnh từ xa.				
	- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án tăng cường năng lực hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm y học giai đoạn 2016 - 2025 theo Quyết định 316/QĐ-TTg ngày 27/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.				
	- Giải quyết các vướng mắc, bất cập phát sinh trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế (BHYT).				
	- Hợp tác xây dựng và phát triển mạng lưới y tế chuyên sâu từ bệnh viện tuyến cuối đến tuyến y tế cơ sở để hình thành mạng lưới các chuyên khoa theo quy mô vùng Đông Nam Bộ với các bệnh lý nguy hiểm có nguy cơ tử vong cao như Ung thư, tim mạch, đột quỵ, Ngoại chấn thương, sản khoa, nhi khoa (theo mục tiêu về y tế theo chỉ thị của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).	Bệnh viện Bà Rịa; Bệnh viện Vũng Tàu	Phòng Nghiệp vụ	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
	- Triển khai phát triển chuyên môn tại các bệnh viện tuyến tỉnh:		Phòng Nghiệp vụ		
	+ Bệnh viện Bà Rịa: Phát triển các chuyên khoa mũi nhọn đầu ngành: Tim mạch can thiệp; Ung bướu; Chẩn đoán hình ảnh; Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình; Răng hàm mặt và đột quỵ. Tiếp tục duy trì, triển khai hiệu quả các chuyên khoa sâu: Hồi sức tim mạch, Hồi sức Nhi – sơ sinh; Ngoại thần kinh; Vi phẫu; Ngoại chỉnh hình.	Bệnh viện Bà Rịa		15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
	+ Bệnh viện Vũng Tàu: Phát triển đơn nguyên Đột quỵ; tăng cường công tác cấp cứu, cấp cứu Ngoại khoa, cấp cứu Sản khoa và Gây mê hồi sức.	Bệnh viện Vũng Tàu		15/12/2024	Kế hoạch triển khai

					Báo cáo kết quả hàng tháng
	+ Đối với các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh: Phát triển đầu ngành thuộc lĩnh vực Mắt, Tâm thần, Y học cổ truyền và Bệnh Phổi.	BV: Mắt, Tâm thần, YHCT và Bệnh Phổi PHC		15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
	- Tiếp tục triển khai Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030, các đề án trong Quyết định 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng chính phủ về Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030.	BV Y học cổ truyền tỉnh		15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
3	Phát triển Y tế cơ sở				
	- Triển khai thực hiện Chỉ thị 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư “về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới”.	Phòng Nghiệp vụ	TTYT các huyện, thị, thành	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
	- Xây dựng “Kế hoạch thành lập khoa vệ tinh của Bệnh viện Bà Rịa tại trung tâm y tế tuyến huyện”.	Bệnh viện Bà Rịa	TTYT các huyện, thị, thành	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
	- Phát triển chuyên môn đối với Trung tâm Y tế tuyến huyện, thị xã, thành phố và trạm y tế: + Tại các Trung tâm y tế, tập trung phát triển ổn định khoa Cấp cứu, đảm bảo cấp cứu nội viện và cấp cứu ngoại viện kịp thời, an toàn và hiệu quả; phát triển ổn định khoa Khám bệnh, đảm bảo đủ nhân lực, đủ chuyên khoa để tổ chức khám chữa bệnh ngoại trú, đồng thời khám sức khỏe cho người dân và khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự. Tiếp tục duy trì phòng khám theo nguyên lý y học gia đình, ổn định bộ phận Lọc máu ngoài thận, có lộ trình tiếp nhận tăng dần số máy, số giường để đáp ứng nhu cầu của người dân.	TTYT các huyện, thị, thành	Các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị trực thuộc SYT	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng

	<p>+ Trạm Y tế: Đẩy mạnh hoạt động khám chữa bệnh, quản lý người bệnh mắc các loại bệnh không lây tại Trạm Y tế, trước mắt là đối với người bệnh Tăng huyết áp, Đái tháo đường, Hen, COPD; tiếp tục mở rộng triển khai khám chữa bệnh tại Trạm Y tế theo nguyên lý Y học gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, luân phiên bác sỹ từ trung tâm y tế về trạm y tế xã và ngược lại để nâng cao trình độ chuyên môn cho viên chức y tế xã. - Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, đề án 06 và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trạm y tế xã. Triển khai khám chữa bệnh từ xa. 				
4	Phát triển nhân lực y tế và củng cố công tác quản lý				
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo để phát triển nguồn nhân lực chuyên môn cho ngành y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, giai đoạn 2024-2030. - Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyên khoa nhằm phát triển chuyên môn các chuyên khoa sâu tại theo định hướng phát triển chuyên môn của ngành Y tế. - Tăng cường thu hút bác sỹ về tỉnh làm việc; thu hút nguồn nhân lực đối với các vị trí việc làm khó tuyển dụng tại các bệnh viện/ trung tâm y tế. - Đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản lý cho các đơn vị trực thuộc đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; kiện toàn tổ chức bộ máy; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ theo đúng quy định và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kịp thời, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định khi bổ nhiệm. - Thực hiện phân cấp gắn với nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các đơn vị; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. 	Văn phòng SYT	Các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị trực thuộc SYT	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
5	Công tác tài chính				
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch đầu tư công năm 2024 theo đúng thời gian quy định; tổ chức điều hành hiệu quả dự toán ngân sách năm 2024. 	P.KHTC SYT	Các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng

	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. - Tăng cường giải quyết vướng mắc, bất cập phát sinh trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế. 		vị trực thuộc SYT		
6	An toàn thực phẩm				
	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm, nhất là bếp ăn tập thể tại trường học, khu công nghiệp,...; dịch vụ nấu ăn lưu động. Chủ động giám sát ô nhiễm thực phẩm, giám sát môi nguy an toàn thực phẩm, lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu đánh giá ô nhiễm về vi sinh, hóa học để cảnh báo sớm tới cộng đồng. - Tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác kiểm tra các cơ sở, chất lượng kiểm tra các cơ sở, xử lý nghiêm các cơ sở cố tình vi phạm về an toàn thực phẩm. Tập trung kiểm tra, giám sát, bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các loại thực phẩm tươi sống, sử dụng hàng ngày cho người dân. 	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh	TTYT các huyện, thị, thành; PYT các huyện, thị, thành; TTKSBT tỉnh.		
7	Tăng cường thanh tra, kiểm tra				
	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường kiểm tra công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập. - Tăng cường kiểm tra tuân thủ các quy định pháp luật của cơ sở hành nghề y, dược tư nhân. - Tăng cường thanh tra, kiểm tra tuân thủ các quy định pháp luật về lĩnh vực Y tế dự phòng. - Tăng cường kiểm tra bán thuốc kê đơn, đặt biệt là thực hiện việc kê đơn điện tử; thực hiện việc cấp tài khoản liên thông trên Cổng dữ liệu dược quốc gia cho các cơ sở kinh doanh thuốc. 	Thanh tra SYT	Phòng Y tế; Các đơn vị trực thuộc SYT	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
8	Tăng cường hoạt động truyền thông				
	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường đẩy mạnh truyền thông về chính sách y tế đặc biệt là các chính sách có ảnh hưởng trực tiếp tới người dân. Tiếp tục tuyên truyền cho việc thực hiện đổi mới phong cách thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh. - củng cố tăng cường năng lực truyền thông. Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác truyền thông y tế. 	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	Phòng Nghiệp vụ	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng

	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động tuyên truyền và cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời cho các cơ quan báo chí các thông tin về dịch bệnh, bệnh tật, các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, chú trọng thông tin, khuyến cáo về phòng, chống các dịch bệnh và công tác tiêm chủng vắc xin phòng bệnh, giúp người dân nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe và chủ động phòng ngừa. - Tăng cường tuyên truyền về những vấn đề trọng tâm của ngành Y tế. Định hướng dư luận với các vấn đề về y tế, thông qua đó cùng để phối hợp và tuyên truyền tới người dân. - Quản lý thông tin y tế, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời khi xảy ra các sự cố trong công tác khám, chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các lĩnh vực quản lý của ngành y tế. Nâng cao năng lực quản lý thông tin, truyền thông y tế cho cán bộ, nhân viên toàn ngành, chú trọng về: triển khai Quy chế phát ngôn, kỹ năng phát ngôn, cung cấp thông tin, truyền thông giáo dục sức khỏe, truyền thông nguy cơ... - Tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát thực hiện Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí. - Đẩy mạnh truyền thông trên nền tảng mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube, Wikipedia, Tiktok, Lotus...). Tăng cường kết nối các trang mạng xã hội của Bộ Y tế như: Fanpage Sức khỏe Việt Nam, kênh Youtube Bộ Y tế, trang Zalo Bộ Y tế, trang Lotus Bộ Y tế, trang Tiktok Bộ Y tế với các trang mạng xã hội của các đơn vị, địa phương. 				
9	Cải cách thủ tục hành chính				
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Duy trì dịch vụ công cấp độ 3, 4 tất cả dịch vụ công của Sở Y tế - Tiếp tục rà soát, thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế, tổng hợp trình UBND tỉnh công bố cắt giảm thời gian giải quyết đối với TTHC thuộc lĩnh vực ngành Y tế - Theo dõi và không để việc tình trạng hồ sơ quá hạn giải quyết 	Văn phòng SYT	Các đơn vị trực thuộc SYT	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
10	Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc				

	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động triển khai thực hiện dự án đầu tư công do Sở Y tế làm chủ đầu tư; phối hợp với Ban quản lý, UBND các huyện, thị, thành là chủ đầu tư các dự án đầu tư công giai đoạn 2021- 2025, đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất để đưa vào hoạt động. - Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nhân lực, thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế; kiến nghị giải quyết kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong đấu thầu, mua sắm thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế. - Nâng cao năng lực quản lý trang thiết bị, vật tư y tế tại tất cả các đơn vị. Công khai, minh bạch, tăng cường biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý theo quy định các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm trong mua sắm. 	P. KHTC SYT	Các đơn vị trực thuộc SYT	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả hàng tháng
11	Xã hội hóa y tế				
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục theo dõi tiến độ các dự án xã hội hoá lĩnh vực y tế đang thực hiện. - Chủ động đề xuất các giải pháp đẩy mạnh thực hiện các dự án xã hội hóa lĩnh vực y tế; liên doanh, liên kết nhằm huy động các nguồn lực ngoài nhà nước cho phát triển y tế. 	P. KHTC SYT	Các đơn vị liên quan	15/12/2024	Kế hoạch triển khai Báo cáo kết quả
12	Đẩy mạnh chuyển đổi số ngành Y tế và triển khai Đề án 06/CP				
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành Y tế theo Kế hoạch Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 31/05/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin ngành Y tế đến năm 2025 và kế hoạch chuyển đổi số ngành Y tế năm 2024. - Duy trì triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật như kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư (Đề án 06) với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Cụ thể là: thực hiện khám, chữa bệnh BHYT bằng Căn cước công dân (CCCD) có gắn chip; liên thông dữ liệu các giấy chứng từ: Liên thông giấy khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh, giấy báo tử từ phần mềm quản lý khám, chữa bệnh của các cơ sở khám, chữa bệnh;... 	P. KHTC SYT	Các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị trực thuộc SYT	15/12/2024	

Phụ lục 2. Công tác phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm (cộng dồn từ 01/01/2023 – 31/11/2023)

Nội dung	Chỉ tiêu 2023	Thực hiện trong tháng	Cộng dồn	Đạt so với CT-KH	So với tháng trước	So với cùng kỳ
1. Các bệnh: Cúm A/H5N1, Cúm A/H7N9, MERS - CoV, Ebola (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
2. Bệnh do Não mô cầu - Số ca mắc, tử vong (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
3. Bệnh Tả (Mắc, chết) (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
4. Bệnh Thương hàn (Mắc) (ca)	35	0	9	Đạt	Tương đương	+ 8 ca
- Số ca tử vong (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
5. Bệnh Tay chân miệng (Mắc) (ca)	2.447	382	2.460	K. Đạt	- 348 ca	+ 1.414 ca
- Số ca tử vong (ca)	0	0	1	K. Đạt	Tương đương	+ 1 ca
6. Bệnh Sốt xuất huyết Dengue - Tỷ lệ mắc/100.000 dân (ca) (Dân số tỉnh 1.182.000 người)	362	18	92	Đạt	+ 3 ca	- 1.096 ca
- Tỷ lệ chết/mắc (%)	≤ 0,09 (< 4 ca)	0	0	Đạt	Tương đương	- 0,085 %
7. Bệnh Dại (Mắc, chết) (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
8. Bệnh Viêm não vi rút (Mắc) (ca)	2	0	2	Đạt	Tương đương	- 2 ca
- Số ca tử vong	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
9. Bệnh Bại liệt (Mắc, chết) (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
10. Bệnh Sởi - Tỷ lệ mắc ≤ 1/100.000 dân (ca)	≤ 1	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
- Số ca tử vong (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
11. Bệnh Bạch hầu	<0,01	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương

Nội dung	Chỉ tiêu 2023	Thực hiện trong tháng	Cộng dồn	Đạt so với CT-KH	So với tháng trước	So với cùng kỳ
- Tỷ lệ mắc $\leq 0,01/100.000$ dân (ca)						
- Số ca tử vong (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
12. Bệnh Ho gà (ca) - Tỷ lệ mắc $\leq 0,1/100.000$ dân	<0,01	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
13. Bệnh Uốn ván sơ sinh (Mắc, chết) (ca)	0	0	1	K. Đạt	- 1 ca	+ 1 ca
14. Bệnh Uốn ván khác (Mắc) (ca)	9	3	4	Đạt	+ 3 ca	+ 4 ca
- Số ca tử vong	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
15. Bệnh Viêm gan siêu vi (Mắc) (ca)	19	2	15	Đạt	Tương đương	+ 10 ca
- Số ca tử vong	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
16. Bệnh Thủy đậu (Mắc) (ca)	1.071	54	490	Đạt	+ 39 ca	+ 419 ca
- Số ca tử vong (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
17. Bệnh Quai bị (Mắc) (ca)	664	14	41	Đạt	+ 13 ca	+ 6 ca
- Số ca tử vong (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	Tương đương
18. Bệnh Lỵ trực trùng (Mắc) (ca)	23	0	1	Đạt	Tương đương	
- Số ca tử vong (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	
19. Bệnh Lỵ Amibp (Mắc) (ca)	3	0	0	Đạt	Tương đương	
- Số ca tử vong (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	
20. Bệnh do Liên cầu lợn (Mắc) (ca)	1	0	0	Đạt	Tương đương	
- Số ca tử vong (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	
21. Bệnh do Xoắn khuẩn vàng da (Mắc) (ca)	1	0	0	Đạt	Tương đương	
- Số ca tử vong (ca)	0	0	0	Đạt	Tương đương	
22. Bệnh SARS-CoV-2 (ca)	Giảm mắc, giảm chết	2	1.443	Đạt	+ 1 ca	

Phụ lục 3. Tiêm chủng mở rộng (cộng dồn từ 01/12/2022-30/11/2023)

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2023	Thực hiện trong tháng 12 (người)	Cộng dồn (người)	Cộng dồn (%)	Đạt so với CT-KH (%)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
I. Đối tượng trẻ em								
1. Tỷ lệ tiêm đủ 8 loại vắc-xin cho trẻ dưới 1 tuổi	%	98	835	13.857	89,46	91,3	- 304 người	+ 6,3 %
2. Tỷ lệ trẻ bảo vệ phòng uốn ván sơ sinh	%	>85	1.364	13.893	89,69	105,5	+ 162 người	+ 4,5 %
3. Tỷ lệ tiêm vắc-xin VNNB3 cho trẻ đã tiêm đủ 02 liều Viêm não Nhật Bản	%	90	1.014	13.654	91,11	101,2	- 67 người	+ 1,1 %
4. Tiêm đủ 2 liều Viêm não Nhật Bản cho trẻ \geq 12 tháng	%	90	1.189	14.442	98,30	109,2	- 122 người	+ 0,1 %
5. Tỷ lệ tiêm nhắc DPT4 cho trẻ \geq 18 tháng	%	90	610	11.015	72,95	81,1	- 201 người	- 19,8 %
6. Tỷ lệ tiêm MR cho trẻ \geq 18 tháng	%	95	592	14.122	93,53	98,5	- 179 người	- 6,3 %
II. Đối tượng phụ nữ								
1. Tỷ lệ tiêm đủ liều vắc-xin uốn ván cho phụ nữ có thai	%	90	993	14.771	96,03	106,7	- 109 người	+ 6,0 %
III. Khống chế các bệnh có vắc-xin								
1. Bệnh bại liệt hoang dại	Ca	0	0	0	0	100	Tương đương	Tương đương
2. Tỷ lệ mắc bạch hầu/100.000 dân	Ca	< 0,02	0	0	0	100	Tương đương	Tương đương
3. Tỷ lệ mắc ho gà/100.000 dân	Ca	< 0,2	0	0	0	100	Tương đương	Tương đương

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2023	Thực hiện trong tháng 12 (người)	Cộng dồn (người)	Cộng dồn (%)	Đạt so với CT-KH (%)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
4. Tỷ lệ mắc sỏi/100.000 dân	Ca	< 2	0	0	0	100	Tương đương	Tương đương
5. Tỷ lệ huyện loại trừ uốn ván sơ sinh	%	100	100	87,5	87,5	87,5	Tương đương	- 12,5 %

Phụ lục 4. Công tác Phòng, chống HIV/AIDS (cộng dồn từ 01/12/2022 – 30/11/2023)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện	Cộng dồn	Đạt so với CT-KH (%)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
1. Số người nghiện chích ma túy tiếp cận với chương trình bơm kim tiêm	Người	650	563	650	100	+ 87 người	- 510 người
2. Số gái mại dâm tiếp cận với chương trình bao cao su	Người	1.200	582	840	70,0	+ 258 người	- 360 người
3. Số người nghiện ma túy được điều trị Methadone	Người	500	379	379	75,8	Tương đương	- 71 người
4. Số người quan hệ tình dục đồng giới tiếp cận với chương trình bao cao su	Người	1.400	1.551	1.600	114,3	+ 49 người	- 600 người
5. Số người được tư vấn, xét nghiệm HIV (giám sát phát hiện)	Mẫu	17.000	2.700	14.901	87,6	+ 12.994 mẫu	- 7.955 mẫu
6. Tư vấn, xét nghiệm HIV cho đối tượng nguy cơ cao	Mẫu	5.000	500	4.454	89,1	+ 3.905 mẫu	- 3.162 mẫu
7. Tỷ lệ người nhiễm HIV biết kết quả xét nghiệm của mình	%	95	95 (3.275/3.450)	95 (3.275/3.450)	100	Tương đương	- 2 %
8. Giám sát trọng điểm HIV lồng ghép hành vi nhóm Nam nghiện chích ma túy	Người	200	200	200	100	Tương đương	-
9. Tỷ lệ máu truyền được xét nghiệm sàng lọc HIV	%	100	100	100	100	Tương đương	Tương đương
10. Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong cộng đồng	%	< 0,3	0,29 (3.450/1.178.695)	0,29 (3.450/1.178.695)	100	Tương đương	+ 0.01 %

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện	Cộng dồn	Đạt so với CT-KH (%)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
11. Tỷ lệ người nhiễm được điều trị ARV	%	90	90 (2.991/3.275)	90 (2.991/3.275)	100	Tương đương	Tương đương
12. Tỷ lệ bệnh nhân đạt ngưỡng ức chế tải lượng virus HIV sau 12 tháng điều trị ARV (ức chế thành công tải lượng virus HIV)	%	95	98 (2.171/2.212)	98 (2.171/2.212)	103,2	- 0,3 %	+ 3 %
13. Tỷ lệ người nhiễm HIV mới đăng ký điều trị được dự phòng mắc Lao bằng INH	%	95	95	95	100	+ 5 %	+ 1 %
14. Tỷ lệ người nhiễm HIV mắc Lao được điều trị đồng thời ARV và Lao	%	95	95	95	100	Tương đương	- 1 %
15. Tỷ lệ bệnh nhân HIV được tiếp cận với dịch vụ y tế thanh toán qua Bảo hiểm Y tế	%	95	96	96	101,1	Tương đương	Tương đương
16. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm HIV	%	> 95	99,9	99,7	104,9	- 0,2 %	+ 0,5 %
17. Tỷ lệ phụ nữ đẻ nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc ARV	%	95	100 (1/1)	100 (15/15)	105,3	Tương đương	Tương đương
18. Tỷ lệ trẻ sinh ra từ bà mẹ HIV (+) được điều trị dự phòng bằng thuốc ARV	%	95	100 (3/3)	100 (14/14)	105,3	Tương đương	Tương đương
19. Tỷ lệ trẻ phơi nhiễm được xét nghiệm PCR để chẩn đoán sớm tình trạng nhiễm HIV cho trẻ	%	95	100	100	105,3	Tương đương	Tương đương

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện	Cộng dồn	Đạt so với CT-KH (%)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
20. Tỷ lệ trẻ xét nghiệm PCR có kết quả dương tính	%	< 2	0	0	100	Tương đương	Tương đương
21. Số bệnh nhân điều trị HIV/AIDS mới	Người	300	16	188	62,7	+ 169 người	
22. Số bệnh nhân duy trì điều trị tại thời điểm 31/12/2023	Người	2.800	2.991 (352 ca ngoại tỉnh)	2.991	106,8	+ 356 người	
23. Tỷ lệ độ bao phủ bệnh nhân được làm xét nghiệm tải lượng virus HIV thường quy/Số bệnh nhân duy trì điều trị đến năm 2023	%	90	84 (2.212/2.639)	84 (2.212/2.639)	93,3	- 1,2 %	
24. Số khách hàng sử dụng ít nhất 1 lần dịch vụ	Người	1.945	1.945	1.945	100	+ 49 người	+ 510 người
25. Số khách hàng mới điều trị	Người	500	800	800	160	+ 53 người	+ 46 người

Phụ lục 5. Công tác Phòng, chống bệnh không lây (cộng dồn từ 01/12/2022 – 30/11/2023)

1. Phòng, chống bệnh Tim mạch (cộng dồn từ 01/12/2022 – 30/11/2023)

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2023	Thực hiện trong tháng	Cộng dồn	Đạt so với CT-KH (%)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
1. Số người bị THA ước đoán trên địa bàn (15% dân số)	Người	177.426					
2. Số người THA được phát hiện cộng dồn	Người	136.618	2.276	140.755	103,0	- 388 người	+ 20.619 người
3. Tỷ lệ người THA được phát hiện so với số người mắc ước đoán	%	77		79,3			- 4,7 %
4. Số người THA đã phát hiện được quản lý điều trị cộng dồn	Người	76.506	1.751	89.897	117,5	+ 1.382 người	+ 22.497 người
5. Tỷ lệ người THA đã phát hiện được quản lý điều trị	%	56		64			+ 8 %
6. Số Trạm Y tế quản lý điều trị bệnh nhân THA, ĐTĐ	TYT	82	82	82	100	Tương đương	Tương đương
7. Câu lạc bộ người bệnh tim mạch, THA, ĐTĐ	CLB	10					
8. Khám sàng lọc một số bệnh không lây nhiễm phổ biến cho người ≥ 40 tuổi (chỉ thực hiện khám THA, ĐTĐ)	Người	83.000	12.290	130.086	156,7	+ 9.644 người	- 45.518 người
9. Tỷ lệ người ≥ 40 tuổi được khám sàng lọc một số bệnh không lây nhiễm phổ biến (chỉ thực hiện khám THA, ĐTĐ)	%	40					

2. Phòng chống bệnh Đái tháo đường và các rối loạn do thiếu I ốt (cộng dồn từ 01/12/2022 – 30/11/2023)

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2023	Thực hiện trong tháng	Cộng dồn	Đạt so với CT-KH (%)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
1. Số người bị ĐTĐ ước đoán trên địa bàn (5% dân số)	Người	59.142					
2. Số người ĐTĐ được phát hiện cộng dồn	Người	41.400	643	45.258	109,3	+ 50 người	+ 6.629 người
3. Tỷ lệ người ĐTĐ được phát hiện so với số người mắc ước đoán	%	70		76,5			- 31,5 %
4. Số người ĐTĐ đã phát hiện được quản lý điều trị cộng dồn	Người	20.700	1.583	25.885	125,0	+ 1.303 người	+ 8.381 người
5. Tỷ lệ người ĐTĐ đã phát hiện được quản lý điều trị	%	50		57,2			+ 11,9 %
6. Số TYT quản lý điều trị bệnh nhân ĐTĐ	TYT	82	82	82	100	Tương đương	Tương đương
7. Câu lạc bộ người bệnh tim mạch, THA, ĐTĐ	CLB	10					
8. Khám sàng lọc một số bệnh không lây nhiễm phổ biến cho người ≥ 40 tuổi (chỉ thực hiện khám THA, ĐTĐ)	Người	83.000	12.290	130.086	156,7	+ 9.644 người	
9. Tỷ lệ người ≥ 40 tuổi được khám sàng lọc một số bệnh không lây nhiễm phổ biến (chỉ thực hiện khám THA, ĐTĐ)	%	40					
10. Độ bao phủ muối, gia vị mặn chứa I ốt	%	>80					
11. Số mẫu MI được xét nghiệm định tính ở hộ gia đình (7 huyện)	Mẫu	600					
12. Tỷ lệ bướu cổ trẻ em 8-10 tuổi	%	<8					
13. Mức trung vị I ốt niệu trẻ em 8-10 tuổi	$\mu\text{g/dl}$	≥ 10					

Phụ lục 6. Công tác Chăm sóc Sức khỏe sinh sản (cộng dồn từ 01/01/2023 – 30/11/2023)

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2023	Thực hiện trong tháng (người)	Cộng dồn (người)	Tỷ lệ đạt	So với tháng trước	So với cùng kỳ
I. Chỉ tiêu đầu ra							
1. Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống	‰‰	<26	0	2	18,1	- 1,9 ‰‰	+ 8,4 ‰‰
2. Tỷ suất tử vong trẻ em <1 tuổi	‰	<8	3	24	2,2	+ 0,1 ‰	- 0,1 ‰
3. Tỷ suất tử vong trẻ em <5 tuổi	‰	<14	3	33	3,0	T. đương	+ 0,2 ‰
II. Chỉ tiêu hoạt động							
1. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai	%	98,7	1.056	10.964	99,0	- 0,1 %	+ 0,1 %
2. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thai kỳ	%	> 92	1.049	10.663	96,3	+ 0,2 %	+ 1,6 %
3. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thai kỳ	%	85	967	9.627	87,0	+ 0,4 %	+ 0,7 %
4. Tỷ lệ đẻ do nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ	%	99,5	1.064	11.016	99,5	Tương đương	- 0,1 %
5. Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh	%	95	1.084	11.377	96,8	+ 0,2 %	- 0,7 %
6. Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh trong tuần đầu	%	85	1.039	10.861	92,4	+ 0,2 %	+ 0,8 %
7. Tỷ lệ trẻ được bú trong giờ đầu sau đẻ	%	85	842	8.864	80,1	- 0,1 %	+ 1,0 %
8. Tỷ lệ tai biến sản khoa	‰	<15,3	20	156	14,1	+ 0,5 ‰	+ 4,5 ‰
9. Tỷ suất tử vong sơ sinh	‰	<5	1	17	1,5	- 0,1 ‰	- 0,2 ‰
10. Tỷ số phá thai	%	<22	100	1.050	9,5	T. đương	- 0,5 %

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2023	Thực hiện trong tháng (người)	Cộng dồn (người)	Tỷ lệ đạt	So với tháng trước	So với cùng kỳ
11. Tỷ lệ phụ nữ 15-49 tuổi được khám phụ khoa ít nhất 01 lần/năm	%	80	25.151	267.415	89,9	+ 8,5 %	+ 6,8 %
12. Tỷ lệ cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể đưa nội dung bảo vệ, chăm sóc và nâng cao SKSS vị thành niên – thanh niên vào Nghị quyết, kế hoạch năm	%	100	100	100	100	Tương đương	Tương đương
13. Tỷ lệ cán bộ cung cấp dịch vụ SKSS tỉnh, huyện được đào tạo về chăm sóc SKSS vị thành niên – thanh niên	%	100	100	100	100	Tương đương	Tương đương
14. Số điểm dịch vụ y tế thân thiện vị thành niên – thanh niên có hoạt động khám, tư vấn và cung cấp tài liệu truyền thông cho khách hàng	Điểm dịch vụ	85	Báo cáo cuối năm				
15. Số góc tư vấn thân thiện về Chăm sóc SKSS vị thành niên có tài liệu truyền thông và sinh hoạt theo chủ đề cho học sinh	Góc tư vấn	37	37	37	100	Tương đương	Tương đương
16. Số câu lạc bộ vị thành niên – thanh niên có tổ chức sinh hoạt theo chủ đề cho đoàn viên thanh niên tại cơ sở	Câu lạc bộ	10	10	10	100	Tương đương	Tương đương
17. Trạm Y tế xã thực hiện truyền thông, giáo dục sức khỏe và cung cấp dịch vụ về Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Xã	82	82	82	100	Tương đương	Tương đương
18. Thành lập mới điểm cung cấp dịch vụ vị thành niên	Điểm dịch vụ	9	Báo cáo cuối năm				
19. Khám điều trị bệnh lây truyền qua đường tình dục	Người	2.600	1.291	10.753	413,6	+ 487 người	- 1.410 người

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2023	Thực hiện trong tháng (người)	Cộng dồn (người)	Tỷ lệ đạt	So với tháng trước	So với cùng kỳ
20. Xét nghiệm dịch tiết	Người	3.700	1.630	11.170	301,9	+ 1.147 người	- 3.240 người
21. Xét nghiệm VDRL	Người	1.500	238	4.280	285,3	- 44 người	+ 378 người

Phụ lục 7. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em (cộng dồn từ 01/12/2022-30/11/2023)

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2023	Thực hiện trong tháng	Cộng dồn	Đạt so với CT-KH (%)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
1. Tỷ lệ SDDTE <5 tuổi thể nhẹ cân	%	5,4		5,4	100		-
2. Tỷ lệ SDDTE <5 tuổi thể thấp còi	%	≤16,3					-
3. Tỷ lệ sơ sinh <2500 gram	%	<4	3,6 (39/1.072)	< 4	100	+ 0,4 %	-
4. Tỷ lệ trẻ <2 tuổi được theo dõi biểu đồ tăng trưởng 3 tháng/lần	%	95	97	> 95	100		-
5. Tỷ lệ trẻ <5 tuổi được theo dõi biểu đồ tăng trưởng 1 năm/ lần	%	95	100	> 95	100		-
6. Tỷ lệ trẻ <5 tuổi suy dinh dưỡng được theo dõi biểu đồ tăng trưởng 01 tháng/lần	%	100	100	100	100	Tương đương	-
7. Tỷ lệ trẻ từ 6 - 36 tháng được uống Vitamin A	%	>98	0	98,8 (51.093/51.709)	100,8	Tương đương	-
8. Tỷ lệ bà mẹ sau sinh được uống Vitamin A	%	>92	0	99,7 (6.056/6.072)	108,4	Tương đương	-
9. Tỷ lệ xã có triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con dưới 2 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ CSSK ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe do TYT xã/phường thực hiện	%	100					-
10. Tuyến huyện tổ chức Tuần lễ Dinh dưỡng & phát triển	Huyện	8	8	8	100	T.đương	-
11. Tuyến xã tổ chức Tuần lễ Dinh dưỡng & phát triển	Xã	82	82	82	100	T.đương	-
12. Tuyến tỉnh tổ chức điều tra đánh giá THDD trẻ em dưới 5 tuổi	Xã	30	16	30	100	+ 2 xã	-

Phụ lục 8. Công tác Truyền thông, giáo dục sức khỏe (cộng dồn từ 01/01/2023-30/11/2023)

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2023	Thực hiện trong tháng	Cộng dồn	Đạt so với CT-KH (%)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
1. Sản xuất bản tin Sức khỏe	Số	4	0	0	0	Tương đương	-
2. Sản xuất tờ rơi	Chủ đề	6	0	0	0	Tương đương	-
3. Sản xuất áp phích	Chủ đề	4	0	0	0	Tương đương	-
4. Sản xuất pano	Chủ đề	2	0	0	0	Tương đương	-
5. Sản xuất phóng sự truyền hình	Chủ đề	2	0	0	0	Tương đương	-
6. Thực hiện tin truyền hình	Tin	12	0	4	33,3	- 1 tin	-
7. Tổ chức sự kiện truyền thông	Sự kiện	1	0	1	100	Tương đương	-
8. Tập huấn kỹ năng truyền thông và kỹ năng viết báo cho cán bộ Tổ Truyền thông giáo dục sức khỏe	Lớp	2	0	2	100	- 2 lớp	-
9. Tập huấn kỹ năng truyền thông cho cộng tác viên tuyến xã/phường/thị trấn	Lớp	3	0	3	100	- 3 lớp	-
10. Giám sát hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe trong tỉnh	Đợt	4	1	4	100	Tương đương	-
11. Xe loa tuyên truyền	Lần	7	0	7	100	Tương đương	-
12. Phát thanh xã/phường	Lần	1.560	0	0	0	Tương đương	-
13. Tổ chức tuyên truyền, nói chuyện sức khỏe	Buổi	363	0	0	0	Tương đương	-
14. Sản xuất phim khoa giáo truyền hình	Chủ đề	2	0	0	0	Tương đương	-

Phụ lục 9. Công tác khám chữa bệnh của các Bệnh viện tuyến tỉnh (cộng dồn từ 01/01/2023-30/11/2023)

Khám và điều trị	Đơn vị	TỔNG TH	Bệnh viện Bà Rịa			Bệnh viện Vũng Tàu			Bệnh viện Mắt			Bệnh viện Tâm Thần			Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí			Bệnh viện Y học Cổ truyền		
			TH 2023	CT 2023	ĐẠT	TH 2023	CT 2023	ĐẠT	TH 2023	CT 2023	ĐẠT	TH 2023	CT 2023	ĐẠT	TH 2023	CT 2023	ĐẠT	TH 2023	CT 2023	ĐẠT
1. Tổng số lần khám	Lần	981,397	422,037	470,000	89.80	350,055	358,800	97.66	98,939	72,000	137.42	54,350	45,000	120.78	2,388	4,000	59.70	53,628	35,000	153.22
2. Điều trị ngoại trú	Người	29,552	5,623	6,000	93.72	10,460	3,910	267.52				11,696	1,700	688.00	63	400	15.75	1,710	1,500	114.00
3. Công suất giường bệnh	%	88.81	98.07	95	Đạt	103	90	Đạt	56.97	50	Đạt	93.00	90	Đạt		-		93.00	50	Đạt
4. Tổng số ngày điều trị nội trú	Ngày	578,157	322,155	300,000	107.39	158,400	137,921	114.85	20,794	12,000	173.28	66,670	65,700	101.48		-		10,138	5,000	202.76
5. Số ngày điều trị bình quân/BN	Ngày		5,5	5	Đạt	7	5	Đạt	3	3	Đạt	30	40	Không đạt		-		14	10	Đạt
6. Điều trị nội trú	Người	93,774	58,537	60,000	97.56	24,544	28,000	87.66	7,766	5,400	143.81	2,207	1,643	134.33		-		720	720	100.00
7. Tổng số lần phẫu thuật	Lần	130,129	12,222	13,000	94.02	3,175	2,500	127.00	5,882	4,200	140.05		-		-	50	0	108,850	50,000	217.70
8. Tổng số lần thủ thuật		58,312							58312	36,000	161.98		-							
9. Tỷ lệ bệnh nhân tử vong trong 24 giờ.	%		0.1	< 0,5	Đạt	0.1	<0.5	Đạt	0	0	Đạt	0	0.2	Đạt		< 0,5	Đạt	0	< 0,5	Đạt

Phụ lục 10. Công tác khám chữa bệnh của các TTYT có giường bệnh (cộng dồn từ 01/01/2023-30/11/2023)

Khám và điều trị	Đơn vị tính	TỔNG TH	TTYT PHỤ MỸ			TTYT CHÂU ĐỨC			TTYT LONG ĐIỀN			TTYT ĐẤT ĐỎ			TTYT XUYỀN MỘC			TTYT CÔN ĐẢO		
			TH 2023	CT 2023	ĐẠT %	TH 2023	CT 2023	ĐẠT %	TH 2023	CT 2023	ĐẠT %	TH 2023	CT 2023	ĐẠT	TH 2023	CT 2023	ĐẠT	TH 2023	CT 2023	ĐẠT
1. Tổng số lần khám	Lần	752,131	116,977	180,000	65	144,516	200,000	72.26	196,705	170,000	115.71	103,977	110,000	94.52	165,914	190,000	87.32	24,042	23,500	102.31
1.1. Tổng số lần khám tuyến huyện	Lần	571,983	112,731	120,000	94	102,076	110,000	92.80	125,121	100,000	125.12	80,793	95,000	85.05	127,220	150,000	84.81	24,042		
1.2. Tổng số lần khám tuyến xã	Lần	180,148	4,246	60,000	7	42,440	90,000	47.16	71,584	70,000	102.26	23,184	15,000	154.56	38,694	40,000	96.74			
2. Điều trị ngoại trú	Người	4,879	2,860	2,000	143		250	-	415	500	83.00	717	170	421.76	615	500	123.00	272	270	100.74
3. Công suất giường bệnh	%		12,8	80	Không Đạt	20,2	80	Không Đạt	21.93	80	Không Đạt	5,8	80	Không Đạt	29	80	Không Đạt	10%	20	Không Đạt
4. Tổng số ngày điều trị nội trú	Ngày	44,601	4,682	29,200	16	5,816	23,360	24.90	8,004	23,360	34.26	954	10,500	9.09	23,292	43,800	53.18	1,853	2,500	74.12
5. Số ngày điều trị bình quân/BN	Ngày		1.9	3.5	54.3	3.0	4.0	75.00		4.0	-	1.3	4.0	32.50	3.0	3.2	93.57	4	4.0	100.00
6. Điều trị nội trú	Người	15,811	2,436	8,342	29	2,025	5,840	34.67	2,241	4,840	46.30	863	3,500	24.66	7,779	13,688	56.83	467	550	84.91
7. Tổng số lần phẫu thuật	Lần	4,880	40	60	67	299	800	37.38	58	500	11.60				4,320	4,000	108.00	163	180	90.56
8. Tổng số lần thủ thuật	Lần	64,430	10,505	2,000	525	23,802	1,800	1,322.33	18,826	1,000	1,882.60	1,183	1,000	118.30	5,417	4,000	135.43	4,697	3,000	156.57
9. Tỷ lệ bệnh nhân tử vong trong 24 giờ.	%		-	<0,5	Đạt		<0,5	Đạt	-	<0,5%	Đạt	0	<0,5	Đạt	-	<0,5	Đạt	-	<0,5	Đạt

Phụ lục 11. Công tác khám chữa bệnh của các TTYT không có giường bệnh (cộng dồn từ 01/01/2023-30/11/2023)

	Đơn vị tính	TỔNG TH	TRUNG TÂM Y TẾ TP VŨNG TÀU			TRUNG TÂM Y TẾ TP BÀ RỊA		
			Thực hiện 2023	Chỉ tiêu 2023	ĐẠT %	Thực hiện 2023	Chỉ tiêu 2023	ĐẠT %
I. <u>Số giường nội trú</u>	Giường		-	-		-	-	-
II. <u>Khám và điều trị</u>		418,472	287,125	370,000	77.60	131,347	108,000	121.62
1. Tổng số lần khám tại TTYT	Lần	265,087	145,654	210,000	69.36	119,433	100,000	119.43
2. Tổng số lần khám tại TYT	Lần	153,385	141,471	160,000	88.42	11,914	8,000	148.93
III. <u>Cận lâm sàng</u>								
1. Số lần xét nghiệm các loại	Lần	111,953	91,268	90,000	101.41	20,685	20,000	103.43
2. Số lần siêu âm	Lần	6,966	2,000	4,500	44.44	4,966	5,000	99.32
3. Số lần chụp X-Q	Lần	17,161	9,041	5,500	164.38	8,120	8,000	101.50
4. Số lần đo ECG	Lần	1,871	682	1,000	68.20	1,189	800	148.63

PHỤ LỤC 12: Diễn giải lộ trình phát triển giường bệnh giai đoạn 2023 – 2025 và 2026 - 2030

TT	Đơn vị	Giai đoạn 2023 - 2025				Giai đoạn 2026 - 2030
		2022	2023	2024	2025	
I	Trung tâm y tế tuyến huyện	620	620	640	790	790
1	Thành phố Vũng Tàu	10	10	10	30	30
2	Thành phố Bà Rịa				30	30
3	Huyện Châu Đức	80	80	100	100	100
4	Thị xã Phú Mỹ	100	100	100	150	150
5	Huyện Long Điền	100	100	100	100	100
6	Huyện Đất Đỏ	60	60	60	60	60
7	Huyện Xuyên Mộc	220	220	220	220	220
8	Huyện Côn Đảo	50	50	50	100	100
II	Bệnh viện tuyến tỉnh	1.720	1.720	1.820	1.870	2.270
1	Bệnh viện Bà Rịa	900	900	900	900	1.000
2	Bệnh viện Vũng Tàu	420	420	420	420	720
3	Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí	50	50	100	100	100
4	Bệnh viện Tâm thần	200	200	200	200	200
5	Bệnh viện Mắt	100	100	150	150	150
6	Bệnh viện Y học cổ truyền	50	50	50	100	100
III	Cơ sở y tế tư nhân	74	74	74	1.084	1.184
1	Trung tâm y tế dầu khí	44	44	44	44	44
2	Bệnh viện Vạn Phước	30	30	30	30	30
3	Các bệnh viện dự kiến đầu tư (XHH)				1.010	1.110
3.1	Bệnh viện đa khoa Phường 11				700	700
3.2	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Mỹ				300	300
3.3	Bệnh viện đa khoa Châu Đức					100
3.4	Bệnh viện Mắt kỹ thuật cao Miền Đông				10	10
Tổng hợp						
1	Tổng cộng giường bệnh	2.414	2.414	2.534	3.744	4.244
	Tổng số tăng mới trong năm	0	0	120	1.210	500
2	Dân số dự báo (10.000 người)	117,9	118,1	118,7	119,3	123,2
3	Tỉ lệ giường bệnh/10.000 dân	20,48	20,44	21,36	31,38	34,44
4	Chỉ tiêu Trung ương				30,0	32,0